

Hữu Phương

Ba người trên sân ga



Bức thư đến, vô tình chấm dứt bữa cơm tối của đôi vợ chồng già, và tự dưng rẽ họ về hai phía trái ngược nhau. Bà Cảnh chợt thấy miếng cơm nghẹn đắng ở cổ và một cái gì anh ách ở đâu đó trong bộ ngực lép xẹp, khi nhìn sự hồ hởi thái quá cũng như niềm vui đột ngột không thể giấu được trên nét mặt chồng. Bà thừa hiểu đó là thư của Tâm, mẹ cái Gianh, bởi chỉ thoáng qua cái cười lẩn trong râu và cái nháy mắt ranh mãnh của ông bạn già giao thông xã lúc giúi bức thư vào tay ông Cảnh qua hàng rào dâm bụt thì biết rõ.

Ông Cảnh vừa có chén rượu trước lúc xới cơm, nên trong người thấy phấn chấn, và không hiểu sao, lại hứng khởi nhắc đến cái chuyện hồi còn nhỏ của hai người, làm bà Cảnh vừa thích thú cười móm mém, vừa e thẹn đỏ cả mặt. Đây là cái thời gái mười bảy, trai đôi mươi trẻ nhất làng, đêm đi tham gia cổ động, đuốc cháy đỏ trời, khi tan cuộc hai người trở về trên lối cũ tối om, đây đó dọc vệ đường còn leo lét những tàn đuốc cháy trong cỏ. Khi đó, không hiểu sao ông nhắc đến chuyện lũ rắn cạp nong hay theo đóm ăn tàn; và bà, cũng không hiểu sao đi sát ông hơn và quờ tay nắm lấy khuỷu tay ông, bắt đền phải đưa về tận nhà. Bàn tay của họ tìm nhau trong bóng tối, và như

có một luồng điện truyền qua, khiến họ lặng đi, nóng rực, chỉ nghe rõ lời của hai trái tim đập dội trong lồng ngực.

Đó là cái phần đời đẹp đẽ và duy nhất họ có được với nhau trong hơn ba mươi năm qua; và ông chỉ nhắc khi chỉ có hai vợ chồng, muốn làm vui lòng bà. Bà Cảnh nghe ông nhắc lại chuyện ấy không biết bao lần kể từ hồi gặp lại nhau, nhưng lần nào bà cũng thấy mới mẻ và thích thú rơm rớm nước mắt. Hôm nay cái Gianh vắng nhà, nó bận tham gia đợt dã ngoại lên Bạch Mã của học sinh cấp ba, nên ông Cảnh nhắc lại chuyện cũ chẳng cần ý tứ.

Bữa cơm đang vui vẻ và ngon miệng như thế, thì cái thư đến, và họ chẳng thể tiếp tục như cũ được nữa. Bà Cảnh ngồi thờ người, tay chống đũa trong bát cơm ăn dở, và nhìn ông Cảnh một cái nhìn trách móc, tủi hờn của kẻ "chồng chung ai dễ chi nhường cho ai". Ông Cảnh, có lẽ do quá mừng, đã không chú ý đến điều đó, tay run lẩy bẩy lật đi lật lại phong thư, miệng lẩm bẩm như nói với mình: "Thư của Tâm, thư của Tâm, bà nó ạ". Và suýt nữa ông hôn lên những nét chữ quen thuộc trên phong bì, nếu không kịp liếc qua mặt vợ. Ông cố lấy lại bình tĩnh bằng câu nói to: "Để xem... thư nói gì nào...", nhưng tay ông luống cuống đến mức bóc rách cả phong bì, và khi giở trang thư vào bên cạnh đèn, ông mới biết là mình lật đặt bỏ quên cái kính lão ở đâu.

Bà Cảnh không tài chi ngủ được, cứ rên hừ hừ như mọi lần bà cần rên. Nhưng đêm nay, bà thực sự thấy mình mệt mỏi quá sức, yếu đuối quá sức. Bà trở mình liên tục và thấy đau nhức từng khớp xương ống chân, ống tay. Hình như những đòn tra tấn của giặc xưa

kia nó lặn đi đâu, giờ trở lại hành hạ bà. Và điều này lại khiến bà càng hờn giận những "ai" đó gấp bội. Hừ... hừ... "Người ta" sao lại quá sung sướng đến thế. Được tập kết ra bắc, được sống rong ruổi đây đó ở nơi xa bom đạn, thế chưa đủ sao? Mà "người ta" còn rủng mĩ đèo bông, còn thêm vợ nọ con kia? Để bây giờ...

Bà Cảnh bức bối trong cơn ghen tức âm thầm khi thấy ông Cảnh vẫn chưa chịu tắt đèn đi ngủ, ngồi lặng lẽ bên bàn trà, thỉnh thoảng mở trang thư ra đọc lại, và hình như còn cười thầm một mình nữa. Bức thư của Tâm viết có mấy dòng, rằng chị ốm đã mấy hôm nay, rằng không hiểu sao chị thấy nhớ cái Gianh quá". Và lần này xin phép "anh chị trong nớ" cho em nó ra quê chơi ít bữa.

Hừ... Ôi dào, bà thì bà hiểu tâm địa các người, bà đi guốc trong bụng các người. "ốm đã mấy hôm nay" - để thường đời này chỉ một mình chị ốm chắc? Hừ... hừ... "Không hiểu sao thấy nhớ cái Gianh quá - Nhớ cái Gianh hay nhớ "anh Cảnh"? Điều đó thì rõ như ban ngày rồi, lại còn "không hiểu sao"! Mà cái Gianh mới mười lăm tuổi ranh ấy đi từ trong ni ra ngoài nớ một mình được rằng? Khiếp. Thế mới biết người ta nể nhe hẹn hò nhau khôn ngoan đáo để chưa, ranh ma chưa! Nhưng không qua nổi mắt gái già này đâu! Bà thì bà biết tông tông tong cái tổ con chuồn chuồn! Hừ... hừ...

Nỗi bức bối và đau khổ ngấm ngấm cứ dày vò, hành hạ bà. Đầu tiên bà đổ lên đầu ông Cảnh, người chồng đã bội bạc lời nguyện ước xưa: "Chỉ hai năm thôi, hai năm là anh lại về... Em ở lại cố...". Bà nhớ lúc đó, bà quàng cái tay nải gạo qua chiếc ba-lô của ông và nói, cố dặn cơn nhớ nhung, tủi hờn đang dâng lên trong cổ: "Anh đi sức gối

mạnh chân... chớ lo chi cả. Mọi cái ở lại đã có em...". Bà phải cắn vào ngón tay mình để khỏi bật ra tiếng khóc, tiếng khóc của người vợ vừa mới bén hơi chồng ba hôm đã phải chia xa. Hừ... hừ... Thế mà ông đi biệt, không một mẩu tin, hơn hai mươi năm mới trở lại. Và khi trở lại, nào phải chỉ có một thân một mình.

Đành rằng, cái chuyện trở về không đúng hạn chẳng phải riêng ông, và cũng chẳng phải lỗi tại ông, nhưng bà vẫn thấy tức. Ông trở về, lại dắt theo một con bé chừng mười tuổi, và tươi cười hơn hẳn bảo với bà rằng: "Đây, con chúng ta đây!". Ôi chao rứa có xung máu không? Đã không thấy được cái lỗi của mình, lại còn xưng xưng như thể vừa lập được chiến tích. Té ra, bà phải chịu cảnh tù đầy, tra khảo để cho "các người" ở ngoài nó tha hồ mà... Lần ấy suýt nữa bà đã nổi trận lôi đình ngay giữa họ hàng, chòm xóm cho đã cơn giận.

Nhưng cái vẻ ngây thơ con trẻ trên gương mặt phúc hậu sáng sủa và cái vẻ khép nép của người chịu nhún nhường thay mẹ nó của con bé đã làm dịu đi cơn tam bành của bà.

Nhưng liền đấy, bà thấy tủi thân tủi phận quá thể. Và bà òa khóc. Ông Cảnh ngỡ đấy là những giọt nước mắt mừng rỡ của ngày gặp mặt, nên cứ vuốt mái tóc sớm bạc của bà mà an ủi, rằng đất nước đã trọn vẹn, rằng giờ anh đã trở về đây, em đừng khóc nữa. Ông Cảnh đâu hay rằng tận sâu thẳm tâm can, bà buồn tủi biết bao, thấy mình mất mát biết bao! Phải. Ngày ấy chia tay chồng chưa được mấy tháng, có kẻ đã rình rập theo dõi. Rồi cái "luật mười năm chín" dẫm máu tràn qua, xóm thôn tan nát, bàng hoàng như vừa qua cơn ác mộng. Bà bị chúng bắt lên bắt xuống, tra khảo, đòi tuyên bố từ bỏ

người chồng ngoài bắc không biết bao lần. Người mẹ chồng già yếu đã không qua nổi đòn thù, để lại một mình bà trơ trọi, cô độc như một nhành cây yếu đuối trước bão tố, với cái tuổi hai mươi lăm dang dở nỗi nhớ chồng nơi xa ngái...

Không biết bà sẽ sống tiếp ra sao, nếu không có tổ chức đến móc nối, và dẫn dắt bà. Và nỗi nhớ chồng, lời nguyện ước lúc chia tay lần ấy của ông, đã thành chỗ nằm vịn, chỗ tựa đỡ cho bà đi qua những tháng năm nghiệt ngã... Lần sơ sẩy duy nhất trong quãng đời hoạt động của bà, là lần tổ du kích bố trí giết tên xã trưởng ác ôn giữa ban ngày. Công việc thực hiện trong một khoảnh khắc cực kỳ mạo hiểm, tới mức khi cài được tờ lệnh thi hành án của Mặt trận lên cái cúc áo giữa ngực của tên bán nước, nơi cạnh đó là một lỗ thủng của viên đạn còn rỉ máu, thì bà nhận được ám hiệu có động. Bà chỉ kịp rút lui một quãng và thay đổi bộ lót hợp pháp, thì bị bắt. Chúng nghi chính bà đã làm cái việc tày trời đó, nhưng vẫn chưa có cơ sở xác đáng; phần nữa, chắc chúng còn muốn khai thác, đơm nhử đồng đội bà, nên chúng giam bà trong một xà-lim kiên cố. Rồi từ đó, bà bị đẩy từ nhà tù này đến nhà tù khác, với bao nỗi cực nhọc mà bà không nhớ hết. Và cái phương cách giúp bà vượt qua những cực hình khủng khiếp của kẻ địch, là trong đầu bà luôn choán ngợp hình ảnh ông, là những đêm gối ấp tay kê ngăn ngủi, là lời trao gửi cho nhau ngày chia biệt...

Cho đến một hôm, nghe súng nổ loạn xạ, rồi xà-lim bật mở, và ngoài sân lỗ nhổ bóng áo xanh mũ tai bèo, bà mới tin là mình thoát chết. Bà đã sống trong niềm vui tràn ngập nụ cười đầm nước mắt của

ngày Đất Nước hoàn toàn giải phóng, trong nỗi háo hức chờ đón chồng trở về. Và vợ chồng sum họp như xưa...

Những bức bối, hờn ghen về sự ba thê bảy thiếp của chồng phút đầu, rồi cũng qua đi. Dầu sao, giờ đây ông cũng đã trở về với bà, hiển hiện, bằng xương bằng thịt sờ sờ ra đây, chứ không phải trong mơ như trước. Từ nay bà sẽ giữ riết lấy chồng, sẽ không để mất ông một lần nữa, không sẽ chia cho bất kỳ một ai nữa...

Nhưng, ngay đêm đầu tiên hai vợ chồng có được sau hơn hai mươi năm trời cách biệt, bà đã khóc tức tưởi, đấy là những giọt nước mắt buồn tủi và thất vọng về niềm hạnh phúc, đến lúc ấy, bà mới chợt nhận ra rằng mình đã quá già đã ngoài năm mươi, rằng cái tuổi hồi xuân ngắn ngủi của người đàn bà ở bà cũng đã qua đi từ hồi nào hồi nào trong tù. Tiếng khóc của bà rấm rứt mãi khiến ông Cảnh tỉnh giấc. Có lẽ ông không hiểu bà, nên đã kéo bà vào lòng, dỗ dành như một nhà thuyết giáo: "Hoàn cảnh đất nước, hoàn cảnh lịch sử, chứ đâu phải riêng mình ta, em?". Nhưng dầu câu nói trong khuya và cử chỉ khuyên bảo âu yếm của ông cũng làm bà dịu lại. Hoặc giả chính bà cố dịu đi để ông khỏi mất ngủ. Bà thương ông lắm lắm, giận thì giận, bà vẫn thương chiều mọi sở thích của ông như bao người đàn bà biết sống một mực về chồng...

Có một điều, phải, một điều thôi, bây giờ bà không thể vì thương ông, vì nể ông mà gặng chiều được nữa. Với cái tuổi chưa đến sáu mươi, nước da đỏ au nhanh nhẹn và còn tráng lực như ông, đã nói chi chuyện già? Chao ôi, tạo hóa sao nỡ bắt công đến thế? Trong khi bà chỉ thua ông vài tuổi. Có thể một phần do bị tù đầy tra khảo, phần

nữa sống trong trạng thái mòn mỏi mong chờ, đã đẩy bà nhanh qua cái mốc ấy khi nào: để bây giờ người bà chỉ còn như con mắt khô quắt, và hết kiệt mọi ham muốn, mọi thèm khát, nếu không muốn nói là "chuyện ấy" trở nên cực chẳng đã với bà. Ban ngày mọi lo toan làm khuây khỏa, nhưng đêm đến là nỗi lo âm thầm của bà.

Quả thật, với bà đêm chỉ muốn ngả lưng cho sớm, sau khi đã nhắm đếm số tiền bỏ ra và số tiền nhặt về của gánh rau mùi trên vai sau mỗi buổi chợ; rồi một giấc ngủ êm nhẹ của người già đến từ lúc nào; cho đến khi thấy mỏi nhừ và đau ở sống lưng biết là trời sắp sáng, dậy đở lửa, đun cho ông ấm nước pha trà và bắc lên nấu gạo nấu miến cơm cho cái Gianh đi học.

Cái mong ước ấy của bà ít khi thực hiện được, bởi đêm đêm bên cạnh bà, ông Cảnh hình như không ngủ, cứ hay trở mình, gác tay gác chân, và đôi khi trườn cả người qua người bà. Thương ông bà gắng chiều, nhưng sự gắng chiều ấy đã trở thành một sự chịu đựng...

Rồi bà cũng tìm được cách khéo léo để "cách ly" ông. Đây là một dịp mùa hè đến, bà bảo ngủ chung nóng lắm, và dọn cho ông một giường riêng. Cái nhà ba gian, gian liền sát bếp là chỗ của bà và cái Gianh (buồng bà phía trong, giường cái Gianh ở phía ngoài, cạnh cửa sổ, giữa là lối đi xuống bếp), gian giữa đặt bàn thờ ở phía trong, phía ngoài là bộ bàn trà, gian trên cùng đặt giường của ông. Bà yên tâm vì đã tìm được cách mà bà cho là diệu kế này. Nhưng bà nhầm, bà không tính đến chuyện ông có đôi chân. Một tối, bà đang nằm thêm thiếp thì chợt nghe tiếng dép nhè nhẹ đi đến, rồi thấy ông quờ tay

lên người bà, vuốt tóc bà và khẽ nằm xuống bên cạnh bà...

Từ đấy, bà nín thở và thon thót lo mỗi khi có tiếng dép của ông lê qua, dù có khi ông chỉ đi tiểu tiện. Có một lần, không hiểu vì quá lo lắng, hay vì một lý do gì khác, bà bỗng lên tiếng rên khe khẽ khi có tiếng dép của ông từ xa. Và lần ấy tiếng dép của ông chần chừ một giây rồi xa dần và im hẳn. Bà nín cười... Đấy, cái sự thỉnh thoảng hay rên hừ hừ về đêm của bà, có căn nguyên vậy đó.

Nhưng, hôm nay bà rên không phải vì lý do đó, bà thực sự thấy mình đau yếu, thấy mình bất lực. Bà lo không biết xử trí ra sao trước yêu cầu thế nào cũng nói vào sáng mai của ông, là sẽ đi ra ngoài ấy thăm Tâm. Trước đây, lâu lâu ông xin phép bà đi thăm bạn bè, hay bà con đâu đó dăm bảy bữa, bà không đo cân nhắc, thoải mái chấp nhận ngay, và thậm chí còn chuẩn bị chu đáo cho ông đi xa. Nhưng bây giờ, không hiểu sao bà hoàn toàn không muốn ông đi ra ngoài ấy một chút nào. Trái tim bà như bị ai bóp chặt khi mừng tưởng rằng ông sẽ được Tâm chăm sóc vỗ vập như trời hạn lâu ngày gặp mưa, rằng đêm đêm hai người má ắp vai kề, thăm thì "anh anh, em em" mọi điều nhung nhớ, rồi...

Hừ... hừ... không, không thể được. Ông ấy là chồng bà, là của riêng bà, không ai có quyền... Phải! Bà không chấp nhận chuyện đó. Bà không thể để ông đi. Hừ... hừ...

Và, suốt đêm bà không sao chợp mắt, vừa rên vừa nghĩ kế giữ chân ông.

Sáng hôm sau, ông Cảnh không ngồi nhấm trà như mọi khi, mà xăm vắn đi vào đi ra, khi xếp các thứ rau vào rổ cho bà, khi tìm đôi quang

gánh ở chái bếp... Bà Cảnh biết ông định nói điều gì rồi, nhưng bà giả lơ, không đụng đến. Cho đến khi bà cặp nón và ghé vai vào chiếc đòn gánh tre mỏng mảnh, ông Cảnh mới ấp úng, như đứa trẻ có lỗi:

- Mình ạ... Có lẽ... tôi phải đưa cái Gianh ra quê, nhân thể xem mẹ nó ốm đau thế nào...

Biết ngay mà! Bà Cảnh ngừng lại, lấy tay quạt thứ bã trầu dính đỏ bầm khóe miệng, ra chiều cân nhắc một giây, rồi xởi lời:

- Ờ... Mà để tui coi... Từ hồi được làm chị làm em với mẹ cái Gianh tới chừ, đã khi mô ông cho tui được gặp mặt bà con họ hàng dì ấy ngoài đó? Thôi chuyển ni nhân có mấy ngày nghỉ, ông để tui đưa cái Gianh đi, chị em gặp nhau lâu lâu.

Bà nói và quày quả đặt gánh lên vai như thể sợ kéo dài chợ trưa, và như thể chuyện không có gì phải bàn lại nữa, khiến ông không kịp phản ứng gì. Khi bà ra khỏi cửa rồi, ông mới ngó ra, mới kịp hiểu, và đứng ngẩn tò te hồi lâu như đứa trẻ bị cụt hứng, trước cái lý lẽ đơn sơ mà chết cứng ấy của bà...

Bà Cảnh, sau chuyến đi cùng cái Gianh ra thăm "dì nó" trở về, hoan hỉ như sau một chuyến công cán dàn xếp thắng lợi. Bà hồ hởi kể với ông say sưa bao nhiêu thu nhặt được ở quê "ngoài đó": Nào cái dòng sông Gianh nước trong và xanh dễ sợ, cứ ngỡ không có đáy, nào chạy dọc hai bờ bãi là tít tắp ngô non và lạc, với bốn bề viền những bờ dâu xanh mướt; nào đi trong đường quê cấm có thấy ánh mặt trời, cam bưởi cứ thả hương quẩn quít theo người, nào bến sông chiều con gái tắm đông chi lạ, o mô o nấy tóc dài và da trắng hết chỗ nói...

Bà vô tình, hoàn toàn không hay biết rằng, đã chạm đến nỗi niềm sâu kín nhất trong lòng ông Cảnh. Bà đơn giản nghĩ rằng, tả thực cảnh quê hương ngoài đó, cái quê hương mà quả thật đã khiến bà thích thú, sẽ làm ông vợ nỗi nhớ Tâm. Điều bà luôn luôn mong muốn là làm sao trong ông hình ảnh Tâm không vượt trội bà. Nhưng bà đâu hay rằng chính những điều bà nói, đã thắp bùng lên nỗi nhớ Tâm cháy bỏng trong ông.

Chao ơi, cái làng quê bên bờ sông Gianh ấy cứ như là nơi ngọn nguồn nỗi nhớ của ông. Thuở ấy, ông còn trai tráng lắm. Đơn vị hải quân của ông đóng ở cảng Cửa Gianh, trấn giữ một vùng mặt biển và một cửa sông trên bến dưới thuyền tấp nập. Chiều chiều, dòng sông xanh chở những con tàu trắng đi lại giữa hai bờ làng quê trù phú yên vui. Những cô gái gánh cá lên bờ còn ngoái lại trêu mấy chàng lính thủy trên tàu. Nhưng cảnh thanh bình ấy chấm dứt đột ngột, khi những quả bom đầu tiên của giặc Mỹ ném xuống miền bắc lại rơi đúng bến cảng này.

Không thể tiếp tục cuộc chiến đấu bất lợi giữa những con tàu chỉ đi lại được trên mặt nước hạn hẹp và trống trải, với lũ điều hâu rộng đường nhào lộn trên không và có vũ khí la-de lợi hại, đơn vị ông chuyển sang lối đánh du kích. Và những con tàu đang đêm lặng lẽ ngược dòng sông Gianh, về neo ẩn dưới những lùm tre cao vút, xanh um vươn ra mặt sông, như từ lâu nó đã chuẩn bị cho cuộc chiến đấu ác liệt này. Rồi từ đó, đêm đêm, dòng sông Gianh lại lặng lẽ tiễn đưa những con tàu ra đi trong nỗi thắc thỏm mong chờ... Để sớm hôm sau, trước khi có ánh ngày, những con tàu lại trở về nằm nghỉ dưới

những lùm tre cao vút, xanh um, lim dim nghe sóng sông Gianh vỗ về ru hát, thì trên mặt báo in đậm những chiến công của nó: số tàu chiến giặc bị đánh chìm số xuống biệt kích bị bắt gọn ngoài khơi. Đó là nỗi kinh hoàng của bọn giặc biển và nỗi khủng khiếp đến phát điên của bọn giặc trời Mỹ. Và hàng trăm tốp máy bay phản lực ngày càng sục sạo ráo riết khắp nơi mọi chốn, cố tìm cho ra dấu vết những con tàu bé nhỏ của đơn vị ông.

Ông nhớ một lần, những mái hầm của tiểu đội ông chưa kịp nguy trang trước lúc ra đi, sớm hôm sau trở về đã thấy mọc dày những cây dâu non. Ông không ngờ có một bàn tay con gái đã làm việc đó. Và, cái chàng lính thủy ấy đã "vương phải tơ" của người con gái đất Phù Kinh tơ lụa. Những người lính chuyên đánh trận về đêm, ban ngày cố ngủ. Nhưng ông nào ngủ được đâu khi gót chân của nàng nhẹ êm bên cửa hầm và bàn tay quay xa của nàng như múa? Cái đuôi mắt hình lá dâu của nàng cứ mở to lo lắng và hồi hộp ngóng theo bóng con tàu của ông ra đi lúc hoàng hôn...

Rồi một hôm, ông nhớ rõ là một sáng mùa hạ trời rất trong, trong đến nỗi có thể trông rõ những nhánh cây khẳng khiu với những tán lá lưa thưa trên vách lên màu xám của chín mươi chín chóp núi đá vôi của dải Phượng Hoàng chạy dọc phía nam dòng sông, không hiểu chúng nghi là những con tàu nép hai bờ sông, hay chỉ là sự điên cuồng sẵn tìm trả thù vu vơ, mà bầu trời yên vui ban mai bỗng chốc đen đặc bóng lũ giặc trời. Thoạt đầu chúng chia thành hai toán bay hàng dọc theo hai hướng đi qua, rồi đột ngột quay ngoặt trở lại, ngóng những cái cổ ánh bạc lên cao và bất thần đâm bổ xuống dòng

sông. Cùng với tiếng rú rít gào thét man dại của hàng chục động cơ máy bay, tiếng nổ văng óc của mưa bom, của rốc - két và tiếng giòn đanh của các ổ đại liên, mười hai ly bảy dân quân vây bủa trên các đỉnh lèn đánh trả quyết liệt, là những cột nước tự lòng sông, những cột lửa từ hai bên bờ dựng vụt lên trời. Tất cả như chìm trong một vùng hỗn chiến của lửa, nước chạy dọc hai triền sông.

Nhưng, như có phép thần, những lùm tre vẫn gan góc vươn ra che chở những con tàu. Và dòng sông Gianh cũng như đất mẹ hai bờ hứng chịu các luồng bom không chút chần chừ. Càng sục sạo sẵn tìm, lũ giặc trời càng điên cuồng cắt bom hồi hả...

Và, trong tiếng đạn nổ bom gào, những người lính thủy nghe rõ cả tiếng trẻ con khóc thét, tiếng của người bị thương kêu rên, tiếng gia súc thét rống, tiếng của những ngôi nhà bốc cháy nổ lổp đổp... Trái tim của họ đau nhức nhối. Không thể được! Không thể để nhân dân vì ta mà mất mát đến tính mạng và tài sản quá thế, con tàu ông xin lệnh nhổ neo, kéo cờ đỏ sao vàng, mặt đối mặt với lũ giặc trời Mỹ, thu hút các luồng bom, để bảo vệ nhân dân và hàng chục con tàu khác.

Phút chốc, con tàu chiến sơn màu nước biển, ở đâu đó lao vút ra giữa dòng sông. Trên boong những người lính, không ai bảo ai, gọn ghẽ trong bộ đồ lính thủy mới nhất của mình: chiếc áo trắng in những con sóng xanh, chiếc mũ xanh có hai đuôi én tung bay, lanh lẹn và bình tĩnh ngồi vào vị trí chiến đấu quen thuộc quanh cổ pháo hai nòng vươn thẳng lên trời một cách tự tin. Lũ máy bay giặc, như một bầy nhặng, bâu lấy con tàu của ông.

Ông nhớ là lúc đó, ông hoàn toàn không nghe một tiếng bom nào, chỉ thấy loang loáng những bóng đen to nhỏ khác nhau lao thẳng từ trời cao vút xuống hạm tàu. Con tàu khi nghiêng khi ngửa, khi chồm lên khi giật lùi, vừa tránh bom đạn vãi tứ phía, vừa nhả đạn đánh trả quyết liệt. Nước sông Gianh lúc đó cứ sôi lên sùng sục ở hai mạn tàu, và như nhuộm đỏ bởi máu đồng đội.

Về chiều, con tàu như kiệt lực vì thương tích đầy mình mấy và vì những hòm đạn từ đất liền chuyển ra trên những con thuyền nhỏ nhoi của các cô dân quân với búi tóc tròn và bộ đồ đen nước dính chặt thân người, vừa bơi vừa đẩy dưới mưa bom, có lúc không đủ nạp cho cỗ pháo hai nòng bấy giờ đã đỏ bóng. Không biết lũ phi công Mỹ nhận biết điều đó, hay chúng sợ tối trời để sống mất con tàu, đã tập trung đánh đòn cuối cùng xuống con tàu của ông. Ông nhớ là lúc đó, ông thấy chớp lóe trùm con tàu, và mình bị hất tung xuống lòng sông như một tảng đá. Từ đáy sông lắng cát, không biết nhờ một sức mạnh nào: có lẽ là sự sống còn sót lại ở hơi thở cuối cùng trước khi tắt lịm, đã đẩy bật ông lên khỏi mặt nước. Nhưng hai cánh tay ông hình như không còn điều khiển được nữa, và trở nên nặng nề, đau buốt trong sự quấy đạp của ông. Ông bơi chỉ bằng hai chân, đúng hơn là ông chống chọi tuyệt vọng với thần chết đang nắm hai tay ông từ từ kéo xuống lòng sông ngạt thở...

Ông tỉnh dậy khi hoàng hôn vừa buông xuống mép nước, bên bờ dâu thắm xanh, nằm ngửa trong vòng tay một cô gái áo quần ướt sũng. Dòng sông và bầu trời yên ắng trong màu tím sẫm của nó, như chưa từng mấy phút trước đó có cuộc ác chiến nước sôi lửa bỏng. Không

biết nước từ mái tóc rối bời của người con gái chảy xuống, hay nước từ cái đuôi mắt hình lá dâu mở to lo lắng của nàng nơi mặt chát môi ông...

Chính tình yêu đã giúp Tâm tìm được ông ở phút hiểm nghèo, và vừa bơi vừa dìu ông từ giữa dòng sông mênh mông vào bờ, trong đôi tay quay xa kéo sợi dẻo mềm của gái Phù Kinh, dưới cái bầu trời mưa bom khủng khiếp ấy.

Sau này, khi cuộc chiến ngày càng ác liệt, có lẽ vì cái thời điểm về nam của mỗi người đã trở nên không hạn định được cụ thể, ở trên người ta cho phép những người tập kết ra bắc có thể xây dựng gia đình. Và ông đã cưới Tâm. Để kỷ niệm trận đánh không quên ấy, họ đã chọn tên sông đặt cho con gái của mình.

Ngày đất nước hoàn toàn giải phóng, ông trở về thăm quê, không ngờ người vợ thuở ấy, sau bao năm tù tội, giờ vẫn còm cộm chờ ông. Lúc đó theo lời khuyên của Tâm: "Anh sống với em như thế là đủ cho em một đời hạnh phúc rồi, bây giờ anh hãy vì chị ấy... Chị ấy nào đã trọn một ngày gọi là hạnh phúc...", ông trở về, và mang theo cái Gianh cho đỡ nhớ...

Điều hoàn toàn bất ngờ và khó xử đã xảy ra ngoài suy nghĩ của bà Cảnh (có lẽ cả ông Cảnh nữa) là sự xuất hiện của Tâm ngay sau khi bà từ ngoài ấy trở về được ba hôm. Chiều ấy, ông Cảnh vừa hoàn thành một vòng bơi và vừa mặc quần áo, ông vừa cảm thấy hài lòng vì sự dẻo dai của mình vẫn còn khả dĩ. Ông trở về lòng thư thái. Đó là một điều hiếm hoi. Từ lâu, ông Cảnh đã là một ông già đầy tâm trạng, lặng lẽ mà man mác buồn. Chẳng còn dấu vết gì ở ông của

một thuyền trưởng tiếng tăm nữa, ngoài mái tóc đốm bạc thường xuyên cắt cua kiểu lính và nước da màu đồng hun một đời ăn nắng ăn gió, với thói quen ngày hai buổi, lúc tỉnh mơ và lúc chiều nhạt nắng là lại ra con sông trước làng bơi một vòng.

Ông vừa bước vào sân, thì ngoài ngõ đã nghe tiếng của Tâm. Thoạt đầu cả ba người cùng lặng đi mấy phút. Với ông Cảnh và Tâm, có lẽ là sự dồn nén của bao ngày mong mỏi, nhớ trông; giờ gặp lại mừng quá ghen ngào không nói nên lời, lại nữa bên cạnh họ còn có bà Cảnh đang há hoác miệng vì ngạc nhiên, khiến họ phải dằn lòng. Nhưng bà Cảnh không thể nào tưởng tượng nổi một "nước cờ" táo bạo và khôn ngoan của "đối phương", khi nghe Tâm, sau phút giây trấn tĩnh, đã tìm được cách lý giải rằng chị đi ký hợp đồng gì đó cho hợp tác xã, tiện thể ghé lại...

Bữa cơm chiều diễn ra bề ngoài vui vẻ, nhưng bên trong nhiều tâm trạng trái ngược nhau. Bà Cảnh lấy cớ "dì nó mới vô, còn lạ nước lạ cái", giành lấy công việc xới cơm và tiếp thức ăn, để che lấp cõi lòng rối bời đến nỗi không tài chi ăn uống bình thường được. Ngược bà lại như có một cái gì đè chẹn, từng tức khi thấy ánh mắt chột trở nên lấp lánh, trẻ trung của ông Cảnh cứ hướng về phía Tâm. Đào ơi, sao ông vẫn chưa chịu yên cái phận già, mà còn tí tởn!

Họ còn gấp thức ăn bỏ vào bát nhau, nài nỉ nhau ăn thêm như một cặp uyên ương còn trẻ, khiến bà Cảnh thấy ngứa mắt. Và liền đấy bà cảm thấy tủi thân tủi phận, cảm thấy mình là người thừa trong mâm cơm, mặc dù họ cùng nhau gấp thức ăn bỏ lên bát bà thúc giục bà ăn. Nhưng bà có nuốt được đâu. Bà nhìn trộm mái tóc dài và mượt

chảy phủ cái eo lưng còn thon thả của Tâm mà thèm, và giận. Này cô kia, sao bỗng đứng ở đâu lại ghé lưng vào chỗ chồng bà? Chao ôi, sao người ta hạnh phúc đến thế? Sao các người hạnh phúc đến thế? Bất giác, bà lại bật lên tiếng rên "hừ... hừ..." ngay giữa mâm cơm.

- Chị làm sao thế? - Tâm hơi hốt hoảng và hỏi bà một cách ái ngại, khi chị thoáng nghe tiếng rên.

- Không. Ơ mà ... cái hồi bị chúng tra tấn, chửi trối trời cứ hay tức ngực...

Bà Cảnh nói lí nhí và đưa tay vuốt ngực, cố nén cơn hờn ghen đang dâng đầy ứ trong người.

Rồi bà cũng tìm được cách để chống trả "đối phương". ấy là đêm đó, trước khi đi ngủ, bà Cảnh nói như phân công.

- Dì nó với cái Gianh ngủ giường của tui trong buồng cho rộng; hai mẹ con tha hồ tâm sự, hỉ!

Đây là bà nói cho hợp lý thế thôi, chứ cái Gianh đã ý tứ xin phép bà đi học tổ và ngủ lại nhà bạn từ đầu hôm. Rồi trước khi tắt đèn, bà dịch cái giường đơn của Gianh ra chặn cửa buồng, và vừa soạn chỗ nằm cho mình, bà vừa phân bua rằng: "Để hai chị em trò chuyện cho rõ".

Cứ thế, suốt nửa tháng trời có mặt của Tâm, đêm đêm bà Cảnh nằm canh cửa buồng, mặc cho hai đầu ông Cảnh và Tâm, cứ trở mình thao thức trong khuya... Cửa đáng tội, mấy lần ông Cảnh có mạnh bạo bước tới, nhưng tiếng dép của ông dù nhẹ nhàng, dù rón rén đến mấy, cũng bị những ăng - ten thính giác của bà phát hiện, và lập tức miệng bà phát ra những tiếng rên "hừ... hừ...", khiến ông phải

rút cổ lại.

Không thể nấn ná, hy vọng tìm kiếm một cơ hội nào được nữa, Tâm đành dẫn lòng khăn gói trở về, sau hơn nửa tháng vợ chồng chỉ được phép "kính nhi viễn chi". Ngày Tâm lên đường là một buổi chiều nắng cuối xuân vàng mong manh trên từng ngọn so đũa ven đường. Ông Cảnh vừa đưa Tâm đi được một quãng, cả hai chưa nói với nhau được một lời riêng tư, đã nghe sau lưng tiếng chân gấp gáp. Không hiểu sao đến phút chót bà Cảnh lại thay đổi ý kiến: bà không muốn để ông Cảnh tiễn chân Tâm một mình, bà đuổi theo họ. Bà vừa thở vừa phân trần về sự cần thiết có mặt của mình rằng: chuyện vé vũng ở bến tàu là phức tạp lắm, dì nó thì lạ, mà ông Cảnh đàn ông đàn ang vô lo, rồi kẻ cắp nó móc sạch...

Thế là cả ba người có mặt ở sân ga, ngồi trơ như ba pho tượng trên một cái ghế băng đặt ở góc phòng đợi, không giấu được vẻ ngượng nghịu và sượng sùng. Cho đến khi cửa nhà ga bật mở và người tuôn vào như nước chảy về phía đoàn tàu đang đợi họ, bà Cảnh như sức nhớ điều gì, liền đi đến mấy quán hàng bày bán dọc ga. Bà mua vội mua vàng mấy gói kẹo, vài ổ bánh mì, rồi quay trở lại chỗ cũ; nhưng ông Cảnh và Tâm không còn ở đấy nữa. Bà đuổi theo bóng họ thấp thoáng ở cuối đoàn tàu.

Khi tìm được số ghế của Tâm, nhận ra túi đồ đạc đơn sơ của chị xếp gọn trên giá, mà không thấy hai người đâu, tự dưng bà thấy khó thở. Và một cái gì lại đầy ứ trong cổ họng và anh ách trong lồng ngực vừa khô khát vừa day dứt, thúc giục bà lao đi. Bà lách về phía cuối toa, nơi có phòng vệ sinh nhỏ bé, nhưng ở đấy bọn con buôn đã lèn chặt

quá đầu những bao tải lớn hàng hóa. Như con mèo đuôi hút bóng con chuột, bà đảo mắt một lượt dọc các lối đi, phán đoán và lường ước điều gì, rồi bà lao qua phía cửa bên kia, nơi đoàn tàu quay lưng với một bức tường bao bọc sân ga dài và cao có chằng thép gai. Đây là nơi vắng vẻ nhất hiện giờ. Bà nắm lấy lan can toa tàu, vội vã bước xuống bậc tam cấp bằng sắt cuối cùng, định nhảy xuống đường đá. Nhưng không hiểu vì cái bậc quá cao so với mặt đường lổn nhổn đá khiến bà sợ, hay vì một cái gì khác làm bà khựng lại. Bà thấy bãi hoải và con tàu chao đảo dưới chân. Bà tựa người vào thanh vịn bằng sắt rỉ vàng lấm tẩm, bên bậc cửa lên xuống của con tàu, và rũ ra. Không ai thấy cả (người ta còn bận tíu tíu với việc tìm chỗ ngồi và xếp hành lý ở phía bên kia), chỉ có một mình bà thấy, Tâm, một tay vòng qua vai ông Cảnh, tay kia lần những ngón tay dài và trắng của gái Phù Kinh tằm tơ xưa kia, xoa vuốt bờ vai và bộ ngực còn vạm vỡ của ông một cách âu yếm. Đầu nàng tựa ngả vào ngực và hướng khuôn mặt phúc hậu với đôi mắt nhắm lơ mơ vào mặt ông Cảnh, để mặc cho nước mắt ràn rụa hai má, miệng nở một nụ cười sung mãn của hạnh phúc. Ông Cảnh đứng như trời trồng một tay vòng qua eo lưng Tâm, tay kia vuốt nhẹ mái tóc dài được búi lại thành trái bưởi sau gáy. Ông gần như quay lưng lại, nên bà không nhìn rõ sắc mặt ông. Rồi bà thấy ông cúi xuống, áp khuôn mặt của mình vào khuôn mặt của Tâm, đôi môi của họ tìm được nhau và hút chặt lấy...

Bà Cảnh như sực nhớ điều gì, đứng bật dậy, và thay vì nhảy phóc xuống, kéo xé hai người ra như bà đã từng tốn công kèm giữ họ lâu nay; không hiểu sao, bà lại lật đật leo lên sàn tàu, và vội vã tụt

xuống phía cửa trước, nơi người ta vẫn còn lên xuống đông đúc. Bà sắp ngửa bước qua những con đường đá có những thanh tà vẹt bằng bê-tông bắc ngang và những đường ray sắt chạy dọc một cách vô thức. Hình như bây giờ bà không còn ý thức được thời gian và không gian quanh mình nữa. Bà đi như một cái máy, đôi khi suýt đâm bổ vào người đi ngược. Cứ thế bà đi, bước qua tất cả, bàn chân gầy guộc xương xẩu va vào đá vẫn không biết đau. Bà bước lên cái hành lang rộng có mái che, bước qua cánh cửa phòng đợi, qua những dãy ghế giờ không một bóng người, đầu không ngẩng lên. Có lẽ chính bà cũng không biết bà đi đâu. Cho đến khi nghe tiếng cô nhân viên bán vé giọng miền trung hỏi thoảng đâu đó rất xa xăm: "Mẹ xuống ga mô?", bà mới sực tỉnh, và nhận ra là tay mình đang chìa tiền qua cửa bán vé. "Lệ Sơn", bà nói rồi cầm tấm vé quày quả trở lại con tàu, cũng vội vã và vô thức như khi bà đi đến đây: bàn chân gầy guộc rớm máu vượt qua những con đường rải đá, những hàng tà vẹt bê - tông bắc ngang và những đường ray sắt chạy dọc. Hai bên thành tàu chỉ còn lại những người đưa tiễn, mặt hướng về các cửa sổ, và loáng thoảng đó đây những lời dặn dò chúc tụng cuối cùng. Bà gặp ông Cảnh cũng vừa từ trong toa bước xuống bậc tam cấp, mặt ửng đỏ và mi mắt còn ngấn lệ chia phôi. Tự dừng, nước mắt bà cũng trào ra, chảy ào xuống gò má đầy nếp nhăn của lớp da mồi khô đét vì tuổi tác và vì những tháng năm tù đầy cay cực. Bà ngăn ông lại ở bậc cửa và giúi vào tay ông tấm vé tàu.

- Ông đừng quay lại nữa...

- ??

- Nó còn trẻ người non dạ rứa, ông nỡ để nó đi một mình rặng đàng?
Không hiểu nhờ một sức mạnh nào; một cái gì mới mẻ, bao dung và
độ lượng đã giúp bà đứng vững và nói được những lời rắn rỏi đó,
khiến ông Cảnh cầm tấm vé lật đặt quay vào toa tàu, như thể vừa
nhận được một mệnh lệnh không thể thối lui...

Và con tàu chột giật mình, như thể vừa chứng kiến quá say sưa cuộc
đưa tiễn dùng dằng của ba người suýt làm nó trễ giờ, liền hú lên một
hồi còi giữa trời hôm sâu thẳm...

Có phải tất cả mọi cái xảy ra trong mơ không? Bà không biết nữa.
Chỉ biết rằng, khi cái chấm đen cuối cùng của con tàu nhòa hẳn vào
không gian hun hút xa lắc, bà mới quay người lại, chột nhận ra sân
ga vắng lặng, và mình bà đứng trơ giữa những con đường đá với
những hàng tà vẹt bê-tông rải ngang, những đường ray sắt chạy dọc
vô tận. Bà bỗng bật lên tiếng nấc tủi thân, vì tưởng như con tàu đã
bỏ rơi bà; trơ trọi và cô độc giữa đời...

Bà cầm cổ bước như chạy ra khỏi sân ga, lùi thúi một mình và cũng
hoàn toàn vô thức. Cho đến khi bàn chân bắt gặp loi bờ sông quen
thuộc, nơi chồng bà sớm và chiều hai lần gặt gỏi bơi đủ một vòng,
bà cố lấy lại vẻ bình thường để vào nhà; bởi bà biết trong nhà còn có
cái Gianh. Nhưng khi đã vào được buồng mình, bà nằm vật ra
giường, âm thầm héo rũ đi. Trái tim bà vẫn chưa dễ tha thứ cho
hành động mã thượng của bà lúc ở sân ga. Thế là, cơn giằng co giữa
lòng vị tha, độ lượng của người mẹ cao cả, với sự hờn ghen tủi phận
của người vợ bị cướp mất chồng cứ bám riết, hành hạ bà; chốc chốc
lật tấm thân già nua, khô héo của bà từ mép giường bên này sang

mép giường bên kia.

Bà mơ hồ có tiếng chân bước nhẹ, và liền đấy cảm nhận được một cái gì mềm mại, mát rượi và êm ái đang lướt trên lớp tóc cần khô của mình, đã kéo bà dứt ra khỏi cái tâm trạng dằn vặt kia. Và đến lúc đó, bà mới hiểu ra rằng, đó là những ngón tay thon thả của cô gái đang lớn phổng trong nhà bà - cô con gái đã tắm uống cái nguồn nước sông Gianh kia từ thuở lọt lòng.

- Má... Ba đi rồi hả má?...

Không biết nhờ tiếng nói khẽ khàng, dịu ngọt, pha giọng của hai vùng đất của Gianh, hay nhờ một cái gì khác, khiến bà thấy mình bỗng chốc khỏe khoắn như không. Và cái cảm giác bị bỏ rơi trên sân ga cũng không còn nữa. Phải rồi, chuyến tàu của bà là chuyến cuối cùng với Gianh, thậm chí cùng con cái của cái Gianh...

Bà nhòe dậ, kéo cái Gianh vào lòng, và kín đáo lau những giọt nước mắt tẩm tức của mình bằng mái tóc mềm mượt của nó.

Lúc đó, căn buồng bỗng rạng lên chốc lát bởi những tia nắng cuối ngày bất chợt rọi qua những song cửa phía tây.

Huế, 8-1990

Đồng Hới, 12-1990

Đêm hoa quỳnh nở

Thế là cuối cùng, nàng như một bóng chim, như một tấm cá, lại thoáng qua đời ông một lần nữa, đã làm cho tuổi già vừa yên ắng của ông lại rộn lên, thốn thức.

Phải chăng nàng đã hiểu được, cắt nghĩa được lỗi lầm của ông và sẵn sàng tha thứ? Ý nghĩ này khiến trái tim ông quặn thắt một nỗi rạo rức trẻ trung...

Ông lục tìm trong đáy vali bộ dao cạo râu đã từ lâu quên lãng. Sự thể gặp lại nàng, đã xui ông một lần nữa, đi đến quyết định này. Đây là lần thứ hai ông cạo đi bộ râu mà ông chăm tĩa, nuôi để mấy năm trước. Cả hai lần cạo cũng chỉ vì mỗi người con gái ấy...

Bộ râu ba chòm, thưa và dài, đã xám bạc, mềm và óng ánh như những sợi cước người ta dùng may nón. Tuy thế, nó vẫn lùng nhùng khó cạo, ông phải dừng lại để lấy kéo cắt ngắn, sau đấy bôi nước xà phòng bọt trắng như nhồi bông lên nửa khuôn mặt khô ráp, rồi mới đưa lưỡi dao.

Giá hồi ấy ông không chần chừ, không mặc cảm, mà mạnh dạn và quả quyết như nàng thì mọi việc đặt trong sự đã rồi, và ông đã không bao giờ mất nàng. Phải, không bao giờ! Ý nghĩ này như một

sự sám hối, như một sự ăn năn, đã giầy vò tuổi già đơn cô gần năm năm trời nay, làm cho trái tim ông khắc khoải một nỗi nhớ trông, mong ngóng nàng da diết. Bởi thâm tâm, ông cũng cho rằng, ở nơi xa vắng nào đó, nàng cũng sống những ngày tháng đau khổ như ông.

Ông nhúng chiếc khăn mặt vào chậu nước mà ông đã pha thêm nước sôi từ chiếc phích pha trà sớm, rồi cẩn thận lau lên khuôn mặt đã cạo, kỳ cọ hai thái dương và quanh cổ. Nước ấm, phút chốc làm cho lớp da đồi mồi của tuổi sáu mươi của ông ửng hồng lên, cùng với sắc mặt mới cạo sáng sủa, khiến ông trẻ lại đến mấy tuổi. Ông bận quần áo và chải đầu; ngạc nhiên và hơi lạ lẫm với chính mình trong gương, bởi khi bộ râu quen nhìn mất đi, khuôn mặt ông như đổi khác.

Đêm qua, gần như không ngủ được, nhưng thần sắc ông không có dấu hiệu gì là mệt mỏi. Trái lại, trông ông rất tươi tỉnh; đôi mắt như lấp lánh tinh nhanh, dấu cái lòng đen đã chuyển sang màu vàng đục của tuổi già, và bị che phủ bởi hai vệt lông mày cũng bạc lốm đốm. Mái tóc để dài, trùm kín cổ, cũng xám màu mây, được chải vuốt ra sau, để lộ trên vầng trán cao vì hói những nếp nhăn chạy ngang, hài hoà với khuôn mặt cứng cỏi và dáng người cao gầy, lạnh lợi của ông. Ông đẩy cửa bước vào. Và lập tức luồng khí lạnh, ẩm ướt buổi sáng ủa vào phòng. Thành phố còn mờ tỏ trong sương mai trắng mờ. Có gần tuần lễ nay trời đã ấm lại, mùa xuân bắt đầu ban phát sự tươi trẻ, sức sống trào sôi của mình lên sắc màu cây lá.

Lòng ông chợt nhói lên, thắc thỏm và hồi hộp như thể là sắp đến giờ hò hẹn. Bao giờ cũng vậy, cứ bước ra cái sân thượng này, lòng ông

lại bồi hồi khó tả. Bởi mọi vật ở đây đều thấm đẫm những kỷ niệm của nàng. Mỗi nhánh cây dường như muốn bắt chước dáng điệu dàng, mềm mại của nàng, mỗi cánh hoa, mầm lá đều như phả ra hơi thở nóng ấm của nàng. Mà đúng ra, sớm nay, ông có cuộc hò hẹn thực sự, cuộc hò hẹn với nàng.

Ông khoác thêm chiếc áo măng tô, may bằng một thứ vải gì thô và cứng như vải bạt và ra đi trên chiếc xe đạp cọc cạch quen thuộc. Chừng mười cái đạp chân, bất giác ông lại đưa tay lên áp túi ngực. Trong ấy có một phong thư. Đúng hơn là những bài thơ đêm qua ông thức chép, gửi cho nàng. Ngày xưa, giữa ông và nàng hình thành một mối giao cảm bằng thơ. Vì nàng mà trái tim đơn độc, lạnh giá của ông như được sưởi ấm lên, trẻ trung lại và đập những nhịp vỗ vập của chàng trai lần đầu được yêu. Và nàng đọc những bài thơ ông gửi tặng, những bài thơ tình yêu được viết theo lối cổ, trước giờ đi ngủ, hay mỗi sáng còn nằm trong chăn, trở mình, vùi đầu vào mái tóc dày, bồi hồi giấu nụ cười bên lên.

Thành phố bỗng bẽnh như trôi nổi trong biển sương trắng lảng. Những dòng người, xe cộ, những mái nhà, thành cầu cong và dòng sông chậm rãi đi ngược chiều với xe ông. Tất cả sặc sỡ và không rõ nét, cứ mờ ảo như một cuốn phim màu. Đây là Huế mùa xuân...

Sáng qua, ông đã gặp lại nàng. Đúng hơn, là ông tin chắc đây nhất định là nàng. Cũng vào giờ này, thành phố và quang cảnh cũng thế kia, ông đạp xe đến trường trong một tâm trạng phần nhiều đứng đưng, trể nải. Bởi đã ba hôm nay, ngày nào ông cũng đến trường vì khoản tiền lương chưa nhận được vào lúc năm hết, tết đến; mà lần

nào cũng được bà thủ quỹ lạnh lùng bảo: “Sáng mai!” Minh ông thì thế nào cũng xong, tết nhất chủ yếu là tinh thần, ông quen rồi. Ngặt nỗi, con gái ông từ thành phố Hồ Chí Minh có thư ra, nói rằng tết này có thể đưa các cháu về thăm ngoại. Nên ông muốn có thêm khoản tiền lương. Khổ! Từ ngày giải phóng đến nay, cha con ông mới gặp nhau có một lần ngắn ngủi. Và lần ấy, ông hoàn toàn ngỡ ngàng trước một thiếu phụ rất trẻ, mà người ta nói là con ông. Bởi bao năm ở trên đất Bắc, ông hình dung con mình còn bé bỏng kia! Ai ngờ... Sương như khói, bảng lảng và mong manh, từ mặt con sông Hương dâng lên, từ những đèn đài, cung điện lợp ngói mũi hài toả ra, từ cái màu xanh lam của núi Ngự Bình trôi về, như cố tạo cho thành phố cổ kính vẻ đẹp thấp thoáng, mờ ảo; như cô gái giấu sắc đẹp lộng lẫy sau lớp voan trắng mỏng.

Và, trong cái dòng người, xe cộ xuôi ngược tấp nập của ngày giáp tết, ông đạp xe đi một cách lơ đãng, gần như vô thức, thì bỗng nhận ra nàng. Suýt nữa thì ông không thấy nàng. May nhờ cái góc lề đường rộng rãi của ngã tư ấy đã thành một chợ hoa tự nhóm từ lúc nào. Và trong cái loáng thoáng của mặt người lẫn với mặt hoa, ông chợt nhận ra khuôn mặt thân yêu của nàng.

Ông bối rối, thậm chí luống cuống, vừa bóp cả hai phanh tay, vừa thọc cả hai chân sều kéo lê trên mặt đường nhựa, cố ghìm chiếc xe, mắt vẫn ngoái lại cô gái bán hoa trên hè phố, như sợ lơ là một giây là cô biến mất. Hình như là nàng... Không, đích thị là nàng, chứ còn “hình như” gì nữa! Chính nàng mới có đôi mắt to và đen lánh ấy, mới có hai vệt lông mày xé trên vầng trán dô tròn, bướng bỉnh như

thế, mới có hàm răng trắng bóng với một chiếc răng khểnh ở khoé miệng, khi cười rất có duyên, nhưng khi mím miệng thì môi trên bị cộm lên một chỗ.

Ông rẽ đám đông gần như tắc nghẽn vì sự phanh xe đột ngột của ông, đi về phía cô gái bán hoa, vội vã và sửng sốt. Cô gái nhìn ông như một thoáng giật mình, rồi lấy lại bình tĩnh rất nhanh:

- Em ... mời ông mua hoa... Cô gái nhỏ nhẹ, và rụt rè nâng đưa ông một cành mai khá đẹp: nụ dày và bông đã nở chừng mười cái.

- Cô còn thứ hoa nào khác không, ở nhà ấy?

Ông giơ tay đỡ cành mai từ tay cô gái, hỏi, và mắt nhìn như hút lấy người cô, khiến cô trở nên bối rối, khẽ kéo nghiêng vầng trán.

- Ông cần hỏi mua?...

- Phải. Tôi cần... giống cây quỳnh!

Ông nói, và chợt thấy mình hơi hên, thoải mái; vội rút mùi xoa ra lau mặt. Thực ra, ông chỉ muốn thăm dò xem cô có phải tên là Quỳnh không; chứ giống hoa quỳnh thì sân thượng nhà ông đã có. Nhưng cô gái, hình như không chú ý cử chỉ ấy của ông, nói liền một mạch:

- Dạ có. Nhưng mà giống hoa ấy chóng tàn lắm, không bán được.

Nếu ông muốn, thì mời ông về... à mà thôi, sớm mai ông trở lại đây, em mang theo...

Cô gái ngược nhìn ông chăm chú, như cố ghi nhận những đặc điểm nổi bật, dễ nhớ của người mà cô đã hứa ngày mai mang giống hoa đến cho ông. nhưng liền đó, ông chợt thấy mình thất vọng, bài hoài cả người. Không. Không phải nàg. Chẳng lẽ mới 5 năm mà ông thay đổi đến mức nàg không nhận ra? Vả, nàg không có cái nốt ruồi ấy;

cái nốt ruồi không to, nhưng đậm, ngay ở một bên cằm, khiến cho cô xa lạ với gương mặt dịu dàng, mộc mạc của nàng.

Người mua hoa chen chúc nhau khá đông, làm ông không thể nấn ná thêm một lúc nữa, liền trả tiền và lui ra. Cô gái khẽ gật đầu đáp chào ông rất thiện cảm, nhưng hình như ông không hay biết. Tâm trí ông đang tìm những nét khác giữa nàng và cô gái bán hoa. Và ông đã tìm được: nào là mái tóc không phải cắt bôm bê, nào là dáng vóc cô này hơi đậm, đầy đà; và nhất là cái nốt ruồi có vẻ phô trương kia, thì hoàn toàn chắc chắn.

Ông đạp xe hoà vào dòng người. Lòng nuối tiếc như vừa mới gặp nàng trong giấc mơ, lại mệt mỏi và chán chường thất vọng. Vì 5 năm qua, giữa dòng đời cuộn xiết, nàng như con cá lội biệt tăm...

Nhưng liên suốt cả buổi chiều hôm qua, khi trở về nhà và trông cảnh mai vào chậu cảnh, ông không tài chi tinh trí được, hết vào rồi lại ra, rồi lại bần thần đi bách bộ quanh sân thượng xao xác heo may của chiều cuối năm. Những chứng cứ về sự khác biệt giữa nàng và cô gái bán hoa kia, đã lần lượt bị bác bỏ, không còn chỗ bầu vịu nữa. Phải! Tóc nàng không cắt bôm bê ư? Thì nàng đâu còn cái tuổi học trò? Người nàng bây giờ đầy đà? Năm năm trời làm lụng; và hơn nữa, biết đâu nàng đã có nơi có chốn, thậm chí có con? (ý nghĩ này khiến lòng ông đau nhói). Còn cái nốt ruồi đen ở trên chiếc cằm thon kia, thì rất có thể là của giả. Các cô gái, mỗi khi xuất hiện chỗ đông người, chẳng đã thường kín đáo chấm những nốt ruồi giả cho thêm duyên, đầy sao?

Nàng không nhận ra ông? Hay cố ý không nhận ra ông, làm ra vẻ

không nhận ra ông? Hoặc không muốn nhận ra ông? Tất cả những câu hỏi ấy, cứ loạibỏ nhau, giằng xé nhau, và cùng nhau dày vò nỗi đau khổ khắc khoải trong ông. Cuối cùng thì ông nghiêng hẳn về cái ý nghĩ rằng nàng nhất định nhận ra ông, mong thấy mặt ông, nhưng không muốn để ông nhận ra nàng.

Nhận định này làm bùng lên trong ngọn lửa yêu thương âm ỉ, và tràn trề hy vọng. Chợt thấy lòng vui vui và nhen nhóm, ông bắt đầu tỉ mỉ thức chép những bài thơ viết trong thời gian xa cách nàng, rồi cho vào một phong bì màu tím nhạt.

Giữa nàng sau này và cô bé đến cùng bà già hôm ấy là một trời một vực. Không thể hình dung nổi cô bé xanh xao, gầy nhẳng, và dẹt dẹt nép sau lưng bà cụ, vài năm sau lại chính là nàng...

Không biết nhờ ai mách bảo, hay ngẫu nhiên, hoặc do trời xui đất khiến, mà hai bà cháu nàng khăn gói lĩnh kinh, và ướm sũng, đứng cúi đầu trước cánh cổng sắt nhà ông?

Như hiện giờ ông nhớ được, thì trận bão năm ấy dữ dội nhất mà ông được chứng kiến. Những người già cả nhất là bảo theo sử sách để lại, thì có hàng trăm năm nay Huế mới có một trận bão khủng khiếp như thế. Các loại cây đại thụ hàng hai ba người ôm ở trong khu Hoàng cung và dọc các con đường hai bờ sông Hương đều đổ sà sạt, gốc bật lên trời, nhà cửa tốc mái, đổ nát như sau một trận B52 rải thảm.

Ngôi nhà tranh của hai bà cháu bà cụ ở ven thành đã đổ ụp xuống một đầu, còn đầu kia chống mông như con bò tể ngay từ trận gió đầu tiên của cơn bão tấp vào thành phố. Có lẽ nhờ thế mà nó thành

ra thấp lún, ẩn náu dưới tường thành, và không bị bốc tung. May mắn nữa, là cả hai bà cháu đã không ai hề hấn gì, chỉ bị ướt rét và khiếp đảm.

Ông mở cổng sắt và dẫn hai bà cháu vào một căn phòng ở tầng một. Bấy giờ trời đã chiều, và bão đã dịu ngớt; chỉ còn phảng phất mưa và đôi đợt gió giểu cột trên thành phố hoang tàn mà nó vừa quấy phá xong. Sân và vườn và ông ngổn ngang cây đổ, cành gãy và đầy lá rụng nhượ nhọt. Hai bà cháu ướt lướt thướt, tái nhợt và run rẩy vì khiếp nhược trận bão đi qua. Ông rót cho hai người hai tách trà nóng, và đứng nhìn họ đầy ái ngại, thương cảm. Bà già độ bảy mươi, dáng đi còn thẳng, thấp bé và tóc bạc trắng; rụt rè hộp từng ngụm trà thơm lẫn với hai dòng nước mắt mặn chát biết ơn, lặng lẽ lăn xuống gò má nâu sạm. Còn cô bé độ mười sáu, xanh gầy, uống trà với đôi mắt đen nhánh có hàng mi rợp lẫn xuống đáy cốc; thỉnh thoảng, lén chớp chớp về phía ông cái nhìn trong veo và hơi lạ lùng của con trẻ.

Từ đấy, ông gần như giao hẳn tầng một với phòng ăn, phòng ngủ và phòng khách cho hai bà cháu nàng ở và cai quản còn mình thì ở tầng hai.

Nghe nói, nàng có quê hương và gia đình khá giả ở tận một làng quê bên bến sông Bồ. Cha nàng chết trong chiến tranh. Mẹ nàng làm nghề buôn vải ở chợ, cùng với hai đứa em còn đi học. Nàng vì quá thương bà ngoại một mình đơn chiếc, nên xin vào đây ở hẳn với bà. Bấy giờ nàng đang học năm cuối cùng của bậc phổ thông.

Từ ngày có thêm bà cháu nàng, ngôi nhà như một biệt thự cổ, u tịch

vì thiếu hơi người, đã được sống lại. Vườn cây, lối ngõ được vun tưới, xén tỉa sáng sửa hẳn lên. Không còn vẻ buồn tẻ và tàn lụi những năm tháng một mình ông vào ra nữa.

Ngôi nhà này được xây cất vào những năm cuối thập kỷ năm mươi, nhờ tiền buôn bán tích góp của vợ và mẹ ông, cùng với sự đóng góp của nhánh họ Nguyễn Văn nhà ông. Bởi ông là con trưởng của chi trên, những ngày lễ lạt, giỗ họ, bà con cần có nơi tụ họp thắp nén hương cúng quả xôi con gà và bàn chuyện làm ăn. Vì thế, ngôi nhà xây cất khá kiểu cách, vừa mang tính chất vừa là nhà riêng, lại có dáng nét bề thế của một công sở. Mẹ ông có nói lại rằng, từ ngày chiến tranh ác liệt, họ mạc tàn sát mỗi người một phương, có kẻ di tản ra nước ngoài, nhiều người đã chết. Vì thế, những ngày giỗ chạp chỉ còn mỗi một mình bà hương khói. Từ ngày mẹ ông qua đời, việc giỗ họ do ông lo, và gần như cũng chỉ hương hoa.

Công việc lấp đầy phần lớn thời gian mỗi ngày của ông là điệp khúc: soạn bài, lên lớp và nghiên cứu các bộ sách cổ. Chỉ còn một khoảng thời gian ngắn và hẹp, độ một tiếng đồng hồ, khi ánh ngày muộn, nhạt màu không muốn rời cái sân thượng đầy hoa và cây cảnh, và tận đỉnh ngọn dừa xanh thẫm, xào xạc lá, vắng trắng như một con thuyền giấy mỏng manh và nhợt nhạt trôi nổi, ông ngả mình lên chiếc ghế mây bằng những sợi nilon dệt màu ngà, được tết vào một khung sắt có lò xo, vắt chân chữ ngũ, theo dõi những bài viết trên tờ báo tuần, chốc chốc, hớp từng ngụm trà đậm, khoan khoái với hoàng hôn thành phố yên tĩnh, cho đến khi ánh đèn đường đồng loạt bật sáng.

Công việc hằng ngày của ông dẫu đơn điệu, khô khan và tẻ nhạt, vẫn cuốn hút và lấp đầy, ngỡ như chẳng có gì nổi bật để phân định thời gian năm, tháng. Thế mà bỗng dưng, nàng làm đảo lộn tất cả. Phải. Như bây giờ ông nhớ lại, thì đó là ngày đầu tháng chín, khi ông lên lớp giờ đầu tiên của một khoá sinh viên mới tuyển. Ông bước vào lớp, và như quy định, lập tức sinh viên nhất loạt đứng dậy chào ông. Ông khẽ gật đầu đáp lại và mời họ ngồi xuống, rồi bắt đầu vào bài giảng ngay. Tính ông vẫn vậy, vào lớp là tâm trí cuốn hút vào bài giảng, không còn biết gì khác. Thế mà hôm đó, không hiểu sao... Có thể vì đây là học sinh mới, ông phải trình bày chậm rãi hơn, lưu tâm đến sự vừa nghe vừa ghi chép của họ hơn. Và thế là, ông chạm phải ánh mắt nhìn thôi miên của nàng. Phải, chính nàng...

Thoạt đầu ông không hiểu nổi, và lục tìm trí nhớ: Không biết đã gặp cô gái này ở đâu, trong trường hợp nào? Nhưng rõ ràng là ông thấy rất quen. Và, đôi mắt đen có hai vết lông mày xé trên vầng trán bướng bỉnh, lấm tấm mồ hôi, cái răng khểnh ở khoé miệng làm cộm lên một chỗ môi trên, cùng với mái tóc bum bê rời từng món nhỏ xuống má khi cô viết, đã cho ông nhận ra cô bé ở nhà ông. Chao ơi, thời gian và tuổi trẻ! Mới có ba tháng, khi cô bé đến chào ông để đi nghỉ hè. Lúc đó, ông còn nhớ cô như một con chim nhí nhảnh, yêu đời, và kỳ thi vào đại học vừa xong, cô bảo cô làm bài rất tốt. Ông không có một quãng đời nào như vậy cả. Phần tuổi trẻ vô tư của ông được thay bằng thời gian căng thẳng giữa các trận đánh không cân sức giữa cái sống và cái chết, giữa mùa mưa rừng Lào sên vắt và đói rét... Khi được trở về trường đi học thì tuổi trẻ của ông đã qua đi từ

lâu rồi. Chỉ còn lại phần đời đầy lo lắng trách nhiệm.

Bị rơi vào vòng cương toả, vẩn vít của ánh nhìn khó tả từ đôi mắt ấy, con người thiếu kinh nghiệm của ông chợt trở nên bối rối, mất tự chủ mấy giây. Lần đầu tiên trong đời, ông thấy mình chú ý đến một cô gái, và ông mất bình tĩnh vì cô ta.

Nhưng lạ thay, sau giây phút bối rối ấy, ông nhận ra mình giảng bài hay hơn, sôi nổi và hào hứng hơn, đến mức, ông chợt thấy cuộc đời đáng yêu nhường nào. Và dần dà sau đó, hình như ông không còn vô tư trong mỗi lần lên lớp nữa. Mỗi bài giảng tưởng như ông chỉ say sưa giảng cho nàng, cho mỗi riêng nàng. Sự tiếp thu được của cả lớp là "hồi" lại của nàng.

Bây giờ nàng không còn rụt rè, bẽn lẽn mỗi lần đến chỗ ông giảng bài nữa. Thậm chí, nàng còn chủ động đến pha trà, khâu vá hay giặt giũ giúp ông; chăm chút, tắm tía các chậu hoa cây cảnh trên sân thượng thay ông mỗi sáng.

Và chiều chiều, sau mỗi bữa cơm, ông và nàng bên bàn trà đặt ở góc sân thượng, cùng ngồi xem báo, uống trà và chờ trăng mọc. Những đêm có trăng, và đặc biệt những đêm có hoa quỳnh nở, nàng ngồi cùng ông đến khuya.

Từ lâu, ông có thói quen thức đêm chờ hoa quỳnh nở. Một ấm trà đậm, nhiều khi còn có thêm chút rượu trắng, (những đêm không trăng, ông kéo điện trong phòng ra hiên), vừa nhắm nháp, vừa quan sát từng cánh trắng muốt tinh khiết, khẽ khàng và e lệ mở dần ra cái bí mật màu vàng nhạt của lớp ống nhụy rung rinh, nhỏ như que tăm cắm vào lòng đài óng ánh thứ dung dịch nhờn nhờn và toả hương

ngọt ngào dịu ngọt một khoảng không. Ông thương bông hoa quỳnh, như một cô gái thẹn thò và thanh cao, không muốn dâng hiến sự trinh trắng cho lũ ong bướm ô hợp; vì thế chờ đêm khuya kín đáo, nơi thanh vắng, hoa quỳnh chỉ nở dành riêng cho người quân tử biết thưởng thức (Ông đưa tay lên vuốt râu cằm và mỉm cười trước ý nghĩ ngộ nghĩnh này của mình).

Rất khuya, khi bông quỳnh nở hết đã lâu, ông cẩn thận bỏ vào lòng hoa một nắm trà, rồi nhẹ nhàng vuốt túm các cánh hoa lại. Sáng hôm sau, ông ngắt bông hoa đã tàn vào nhà, khẽ khàng mở ra, và bỏ ấm trà đã ướp hương quỳnh vào ấm. Những tách trà buổi sớm như thế, cảm tưởng làm ông tỉnh táo suốt ngày. Những lúc có rượu ngon, thay vì ướp trà, ông ngắt cả bông bỏ vào bình ngâm rượu.

Phải sành lắm mới nhận ra trong rượu có hương quỳnh.

Từ ngày có thêm nàng, và nhất là biết tên nàng trùng với tên hoa, những đêm ngồi ngắm hoa quỳnh nở làm ông bồi hồi.

Ông cảm thấy vui vui khi nhìn nét mặt trẻ con háo hức của nàng, lần đầu tiên, thích thú với những khám phá mới mẻ và huyền bí về hoa quỳnh.

Ông muốn được đối xử bình đẳng với nàng. Ngược lại, có lẽ, nàng cũng cố xử sự sao cho ông không có mặc cảm là mình đã có tuổi, sao cho xoá lấp cái phần chênh lệch giữa hai người, và những trống trải cô đơn thường nhật trong ông. Nàng chăm sóc đời sống của ông như một người em gái đối với anh trai, như một người vợ, người mẹ đối với chồng, con, khiến ông vừa cảm động, vui thích, vừa sợ hãi. Nhưng, nàng hoàn toàn không biết gì về sự sợ hãi của ông. Hay

nàng tỏ ra không biết, cố ý không biết, thậm chí cố ý trêu người sợ hãi của ông? Tuồng như ông càng bối rối, hoảng hốt trước sự chăm chú của nàng bao nhiêu, thì nàng càng tiến tới ông một cách rõ rệt hơn, khiêm nhường và dịu dàng hơn bấy nhiêu.

Cho đến một hôm, vào tối thứ bảy, nàng nằng nặc mời ông đi xem phim. Ông không nhớ hôm đó người ta chiếu phim gì, chỉ nhớ là, nàng ngồi cạnh ông, nghiêng mái tóc dịu mát hương bồ kết vào má ông, chạm bàn tay có những ngón dài và làn da mát rượi vào tay ông khi ông đặt khuỷu tay lên thành ghế, khiến người ông thấy nôn nao, vội rút tay về như phải bỏng. Nhưng khi tan phim, hai người sánh đôi chậm rãi theo con đường dọc bờ sông mờ mờ ánh đèn xa và ánh sao khuya, đẩy những tán cây bồ đề và phượng hoa vàng réo rắt tiếng ve, nàng đã nắm hờ lấy khuỷu tay ông, nửa như là khoác tay, nửa như là vịn vào cho dễ đi, làm ông lâng lâng và hoang mang tột độ. Hình như nàng nói loáng thoáng câu gì. Có phải lúc đó em hỏi tôi: “Sao anh... để râu sớm thế?” (Từ lâu, những lúc chỉ có hai người, nàng đã chuyển “thầy” thành “anh”). “Em thấy khó coi lắm phải không?”. Ông trả lời nàng bằng câu hỏi lại, và lần đầu tiên, can đảm soi vào mắt nàng trong bóng tối lứa thừa của tán cây so đũa. “Không. Nhưng mà... em chẳng thích”, nàng nói nhanh, và có vẻ giận dỗi, quay mặt đi.

Đêm ấy, khi trở về phòng mình, ông đã cạo đi bộ râu, cái bộ râu ông để từ ngày đi về thăm quê lần đầu, sau ngày giải phóng, khi chỉ còn gặp lại bà mẹ già và đứa con gái đã có chồng, còn người vợ bị địch bắn chết từ lâu.

Buồn não ruột, ông thấy mình đã lên lão, và quyết định để râu. Râu ông để kiểu ba chòm, hai chòm trên xén ngang khoé miệng, còn chòm dưới cầm để vuốt dài.

Dẫu ở lứa tuổi nào đi nữa, thì tình yêu vẫn là tình yêu, vẫn muôn thưở có sức mạnh cảm dỗ, si mê và vụng dại. Huống chi đây lại là mối tình đầu. Nàng thì quá rõ. Còn ông, nói của đáng tội, cũng là lần đầu tiên được yêu đấy.

Bởi mười sáu tuổi ông đã vào tù. Ông bị địch bắt trong khi trên đường chuyển tài liệu mật cho cơ sở, bị lộ. Ông chỉ kịp nuốt xong tài liệu (là một tờ giấy bằng bàn tay vo tròn), trước mặt tên mật thám già giận dữ và hai tên cảnh sát hung hãn tống những quả đấm ộc máu mồm. Chúng đem ông vào giam cách ly tận đề lao Đà Nẵng. May mà, trong lao có một chi bộ bí mật ông được vào Đảng, và sau đó, được bố trí cho vượt ngục giữa ban ngày, sau hai lần vượt đêm bị bắt và bị đánh đập dã man. Không thể trở về Huế hoạt động công khai được nữa, ông vào bộ đội. Hết các mặt trận Bình – Trị – Thiên những mùa mưa lây lội và đói rét, với các trận ác chiến Xuân Bồ, Thanh Hương... trung đoàn ông bị lật cánh sang mặt trận Thượng Lào, cho đến ngày đình chiến. Trước khi tập kết ra Bắc, ông được ghé thăm nhà ba hôm.

Và ba hôm ấy, đã biến đổi hoàn toàn quãng đời riêng tư của ông. Bà mẹ ông khóc hết nước mắt vì mừng tủi gặp lại đứa con cầu tự; rồi nằng nặc đòi cưới vợ cho ông. Vì thương mẹ ở lại một mình đơn chiếc trong lòng địch, lo khi trở trời thiếu người nâng đỡ, phần thì nghĩ rằng chỉ hai năm sau là trở về, ông đã chấp thuận sự sắp đặt

của mẹ, cưới một cô gái chưa hề biết mặt.

Hơn hai mươi năm sống trên đất Bắc, từ bộ đội trở thành sinh viên, rồi cuối cùng trở thành cán bộ giảng dạy đại học, tóc bạc gác tóc đen, ông luôn luôn ở tư cách của người đã có vợ, chỉ vui đầu vào sách vở, nào có tư hào chi đến chuyện trăng gió! Vậy nên bây giờ, gặp phải tình yêu của nàng dành cho ông; vừa mặc cảm, hoang mang và hoảng hốt, ông lại vừa thấy một cái gì mới lạ, ngày một làm tươi trẻ đời ông, như một thứ men say ngọt ngào cứ thấm dần từng ngày một, và không sao cưỡng lại được. Tâm trạng của ông trước tình yêu với nàng là tâm trạng của người ăn trái cấm, đầy khờ vụng. Vì thế, ông càng ém giấu lòng mình, nó càng bùng lên ngọn lửa thêm khát yêu đương mới mẻ...

Ông nhớ là, hai người hôn nhau lần đầu tiên dưới chân cầu thang. Đây là một chiều nàng quay trở lại. Đã ba hôm liền nàng dọn đồ đạc về cho bà ngoại nàng. Người ta đã dựng lại túp lều tranh cho bà trên đất nền cũ.(Nhưng không hiểu sao bà nhất quyết giữ nàng lại nhà ông. Bà cười cười, và nói rằng ở đây em nó thuận tiện cho việc học hành hơn). Trong tâm trạng bồn chồn, trông ngóng “như đứng đồng la, như ngồi đồng than”, ông bước xuống cầu thang thì vừa gặp nàng chạy ngược lên. Và, như cánh đồng khô hạn lâu ngày gặp mưa, nàng(và hình như cả ông) đã ôm chầm lấy nhau. Hình như cả ông và nàng đều không chịu được nỗi sự xa cách. Đến bây giờ, ông như còn thấy ở đầu môi vị ngọt ngào và nóng bỏng, cứ tan ra, lịm dần vào cơ thể của cái hôn ngỡ như không bao giờ dứt đó, mà lần đầu tiên trong đời ông được hưởng.

Nhưng liền sau đó, nỗi mặc cảm về tội lỗi xâm chiếm lòng ông, khi ông trở về phòng mình và bắt gặp cái nhìn như bàng hoàng, hơi ngơ ngác và thảng thốt của người vợ quá cố trong tấm ảnh chụp lại, phóng to để trên bàn làm việc. Đây là tấm ảnh duy nhất mà ông giữ lại được của vợ ông. Bức ảnh chụp sau ngày cưới, nghĩa là một ngày trước lúc ông ra Bắc. Ông giữ nó quá lâu trong ví nên bị ố vàng nhiều chỗ. Nghe nói, cô ấy hy sinh sau tết Mậu Thân, khi đơn vị du kích của cô chặn đứng đợt phản kích điên cuồng của sư đoàn lính thủy đánh bộ Mỹ vào Thành Nội, hòng chiếm lại nửa thành phố vừa treo cờ giải phóng được hai mươi ngày.

Có lẽ, không chỉ có mình cô ấy bàng hoàng. Ông cũng vậy. Cả hai nào đã chuẩn bị gì cho việc trăm năm? Đã kịp nhìn thấy mặt nhau trước ngày cưới đâu, nói chi đến chuyện có thời gian tìm hiểu, yêu đương? Bàng hoàng và thảng thốt như sau một giấc mơ, nhưng cả hai đều chấp nhận; bởi tình nước nghĩa nhà lớn hơn nhiều so với tình yêu của cá nhân hai họ. Cho nên bây giờ, tình cảm của ông dành cho vợ, như dành cho một liệt sĩ, một người đồng đội gần gũi đã anh dũng hy sinh; mà thiếu hẳn tình cảm lứa đôi. Và vì thế, dù luôn luôn mặc cảm về sự có tuổi, sự có vợ, có con của mình, tình yêu của ông đáp lại nàng cũng tươi trẻ, si mê và khờ khạo của mối tình thứ nhất. Hình như mọi tình yêu lứa đôi của người đời, đều đòi hỏi vượt qua những chặng đường mà trên đó được cắm mốc phân định hẳn hoi. Ông hoàn toàn ngu ngơ, không biết ngay trước mắt mình giờ đây sẽ là cái mốc gì đang chờ đón.

Vì thế, ông rất vui sướng nhận lời cùng về thăm nhà nàng, nhân dịp

nàng nghỉ hè sau kỳ thi tốt nghiệp căng thẳng; trong đó sự nỗ lực của ông và của nàng đã không uổng; nàng đã đỗ thủ khoa. Ông đơn giản nghĩ rằng, cả ông và nàng cần được nghỉ ngơi thư thả một chút, để thay đổi không khí, tại một miền quê trong lành; và nhân thế, ông đưa nàng thăm lại một số vùng chiến trường cũ, nơi nhiều đồng đội của thời trai trẻ đã ngã xuống. Nhưng khi nghe nàng nói còn khoảng nửa cây số nữa là đến nhà, và thấy ánh mắt cùng vẻ nghiêm trang, lo lắng của nàng, thì ông chợt hiểu ra rằng ông đang đi làm một việc trọng đại riêng tư trong đời, và sự thế có thể không đơn giản. Thật thế, sự ra mắt của chàng rể ở nhà nàng đã làm cho cả hai đều đau khổ; riêng ông còn có chút gì đấy như thể bị xúc phạm.

Vừa thoáng thấy bóng nàng ngoài ngõ, bà mẹ và hai thằng em nàng cùng “ồ” lên sung sướng, và lao đến tay bắt mặt mừng, vỗ vập ríu rít. Nhưng liền đó trông thấy ông, và qua lời giới thiệu của nàng, mặt bà mẹ chợt kín đáo xịu xuống; còn mặt hai đứa em thì ngơ ngơ ngác ngác. Không khí buổi đoàn tụ bỗng trở nên rời rạc, tẻ nhạt. Ông phán đoán là nàng đã có viết thư về báo trước cho gia đình, thông báo chuyện này. Nhưng họ vẫn không sao tránh khỏi bàng hoàng trước một chàng rể tương lai ngoài sự tưởng tượng của họ.

Lúc ấy ông thấy thương nàng nhiều hơn thương mình. Nàng phải một mình ngoi ngóp bên này bên kia để cố lấp đầy cái khoảng trống như một dòng sông vừa hình thành giữa ông và gia đình; mong lấy một niềm thông cảm của mẹ và các em, đồng thời cốt yếu để che đậy cái khoảng trống khiến ông có thể buồn tủi và thương tổn lòng tự ái.

Nhưng bà mẹ nàng không hiểu, hay đúng hơn, bà cố ý không hiểu. Mặc dù cho nàng hoài công như con nhện cần cù và gấp gáp giăng những cái dây tơ mảnh nổi hai bờ của hố ngăn cách, bà cứ đội đông bão lên hai người yêu nhau.

- Dạ, mời bác xơi cơm. Bác có mấy cháu rồi, và gia đình giờ ở đâu ta? Mẹ nàng hỏi, cố kéo dài tiếng "bác" đầy ác ý, khi tất cả đã ngồi vào mâm cơm tối.

- Mẹ! Con xin mẹ...

Nàng thốt lên, hoảng hốt và van xin đầy nhẫn nhục. Ông thấy rõ hai giọt nước mắt trào ra, lăn xuống bát cơm của nàng. Tim ông đau thắt. Đã thế, ông sẽ cưới nàng, cưới rất to, và cưới nàng ở nhà hàng, cho mà xem! Phải, luật pháp sẽ bênh vực ông và nàng. Nghĩ thế, ông lấy lại sự điềm đạm vốn có, và trả lời mẹ nàng, như thể không có chuyện gì xảy ra:

- Cám ơn chị. Tôi có một cháu gái lớn hơn con gái chị đây - Ông chỉ nàng - Nó lấy chồng ở mãi trong Nam.

Ông nhớ, lúc ấy nàng ngược mắt nhìn ông như dò hỏi, nhưng ông không hiểu nàng định nói gì.

Đêm ấy ông lấy cố đi đường mệt, lên nằm sớm. Ông nghe lẩm rầm to nhỏ tiếng nàng và mẹ nàng dưới bếp. Chắc nàng kiên nhẫn thuyết phục mẹ nhưng không được, vì cuối cùng là tiếng nàng khóc.

Không hiểu, do tuổi ông không còn trẻ nữa để chịu đựng những thử thách vô bổ, hay do cách cư xử thiếu tế nhị và bất công của mẹ nàng, mà ông thấy không thể kéo dài thêm ngày ở trong gia đình nàng. Ngay sớm hôm sau, ông gói ghém đồ đạc và chia tay gia đình,

nói là đi thăm một chỗ đóng quân cũ, rồi sẽ trở lại. Nhưng nàng đã chạy theo ông ra tận đường cái, gục mặt vào vai ông mà khóc tức tưởi. Nàng biết là ông sẽ không quay trở lại nữa. Nàng van ông hãy thương lấy nàng, rằng ông là cả đời nàng, vắng ông nàng sẽ không sống nổi.

Ông trở về nhà hôm trước, thì hôm sau, bất ngờ, nàng cũng chia tay với gia đình và quay trở lại cùng ông. Mặt nàng hớn hờ và rần rỏi, như thể vừa dứt khoát đoạn tuyệt với gánh nặng gia đình, để đi theo tiếng gọi của trái tim.

Đêm ấy là một đêm, có lẽ, nàng muốn quyết định tất cả, dứt khoát tất cả, rõ ràng tất cả. Bởi điều đó hoàn toàn liên quan đến nơi nhận công tác sắp tới của nàng.

Buổi chiều nàng từ trường về, nhảy chân sáo lên cái bậc cầu thang. Ông ra đón, và bắt gặp trên khuôn mặt nhiều nét trẻ con của nàng có một vẻ gì mới lạ, khó hiểu và khó tả.

- Em được quyền tự chọn nơi công tác đấy. - Nàng nói trong khuôn ngực phập phồng vì phải thở gấp - Anh thấy nên thế nào?

- Anh hoàn toàn ủng hộ ý muốn của Quỳnh!

Ông nói, và nắm đôi tay trần rất đẹp của nàng, hoàn toàn không lưỡng lự trước mọi lẽ. Điều này thật là tai hại. Khi nàng cần ở ông sự dứt khoát, sự quả quyết bằng rào chắn của lễ giáo cổ lỗ, để đi thẳng đến hạnh phúc; thì ông, con người của hai nửa cổ kim, một lần nữa, lại chần chừ giây lát; giây lát thôi; và thế là mọi sự tan vỡ, mọi sự trở nên ân hận và nuối tiếc, day dứt không nguôi...

Như bây giờ ông nhớ rõ, thì đó là một đêm trăng rất đẹp, thậm chí

thần tiên. Ông làm việc trong phòng riêng, lòng không gợn chút ưu tư.

Được sống bên nàng, ông không còn mong ước gì hơn. Bấy giờ khuya lắm rồi, có lẽ nàng đã đi ngủ. Ước chi nàng còn thức để ông đọc cho nghe bài thơ vừa viết xong.

Chợt ông nghe tiếng thỏ thẻ ngoài sân thượng:

- Anh ơi, có... hoa quỳnh nở.

Ông vui sướng một cách hấp tấp, đẩy cửa bước ra, tay cầm bài thơ mới viết. Và, một cảnh tượng làm ông đến ngỡ ngàng: Sân thượng của ông, hay cõi tiên? ánh trăng hay một thứ bụi phấn phát quang trong suốt, rây tự trời cao xuống? Mỗi chậu hoa, cây cảnh, hòn non bộ sù sì; và đặc biệt chậu cây quỳnh đặt cạnh cạnh đào mà trên một chiếc lá to và dài, xanh thẫm của nó treo chệch một bông quỳnh mới nở xoè lớp cánh vòng ngoài... hết thảy đều đắm ướt ánh trăng lung linh, huyền ảo trong ánh trăng.

Nhưng nổi bật hơn hết, rực rỡ hơn hết, là nàng, như một vũ nữ, đang ngồi vắt chéo hai chân trần, trên chiếc ghế nhỏ, lưng tựa vào thành chiếc giường sắt lò so đặt cạnh bàn trà, nơi ông thường ngả lưng những lúc làm việc quá mệt. Trong bộ váy ngắn, trắng và mỏng như voan, nàng như một bông quỳnh đang nở, thơm ngát, từ đôi chân, đôi tay, hai bờ vai trần, đến cái cổ cao và khuôn mặt đều lồ lộ dưới trăng, nhể nhại ánh trăng.

Ông bước ra, và nàng vươn đến, rơi là vào đôi tay rắn chắc của ông. Phút chốc, nàng như một bông quỳnh vào sáng sớm hôm sau trên tay ông. Trong ánh trăng, đôi mắt nàng lấp lánh một cái nhìn man

dại và đắm ướt. Hình như nàng lấy tay ra hiệu cho ông đặt nàng xuống giường... Lúc đó nàng cười rất lạ, và bảo ông nhắm mắt lại. Ông ngây người trước vẻ đẹp lạ lùng của nàng; hầu như chưa kịp nhắm mắt thì nàng đã cởi bỏ xong áo váy. Vẻ mặt sung mãn và e thẹn, nàng nắm tay khẽ kéo ông xuống sát mình. Và, ông đắm mình trong thân thể nồng nàn của nàng.

Có lẽ, nàng đã quyết định rồi, lựa chọn rồi; không gì có thể ngăn trở nàng. Nàng muốn cùng ông hoà tan trong hạnh phúc lứa đôi; cùng đặt tất cả như một sự đã rồi ra trước người mẹ khắc nghiệt, để mong thời gian giúp bà nghĩ lại.

Nhưng chao ôi, có lẽ ông không hiểu được ý nàng, không hiểu hết nàng. Có lẽ thế. Đúng cái giây phút thiêng liêng của Eva và Adam sắp hoà tan vào nhau, ông chợt thấy những món tóc xám bạc của mình rơi rũ xuống mái tóc mượt của nàng, khiến ông thấy mình già nua tuổi tác, trong khi nàng trẻ trung, trinh trắng thế kia? Hay lại một chút mặc cảm về sự mình đã có vợ có con, thậm chí có cháu? Hoặc cái không khí đối xử xưa đuổi của mẹ nàng hôm ấy chợt len vào trong ý nghĩ? Không rõ nữa. Chỉ biết rằng, trong một giây, một giây thôi, vòng tay của ông chợt lơ lửng...

Và, con người cực kỳ nhạy cảm, cực kỳ dứt khoát trong nàng đã bắt gặp, đã nhận ra. Như thể bị xúc phạm, nàng gạt ông ra giường, vùng dậy vơ vội váy, đi như chạy xuống cầu thang. Một thoáng ngơ ngác cho ông. Và hình như ông chợt nhận ra, vội lao đuổi theo nàng.

Nhưng đã muộn rồi. Phải, muộn rồi. Ông gõ cửa tới tất những âm thanh van xin vào cánh cửa phòng nàng. Có tiếng dép lệt xệt trên

nền gạch bông và tiếng nàng nói qua khe cửa:

- Anh về ngủ đi. Giữa chúng ta coi như không có chuyện gì hết, không có gì hết...

Nàng nói và bỏ đi. Lát sau, ông nghe tiếng vòi nước vặn hết cỡ trong buồng tắm, làm nước rơi rào rào như mưa. Tiếng nước dội phũ phàng; khiến ông có cảm giác nàng muốn rũ bỏ tất cả, gột sạch tất cả những gì đã có giữa ông và nàng...

Ông mệt mỏi trở về buồng ngủ, đầu nhức mót, xỉ vả về sự ngu ngốc, hèn nhát của mình. Rất lâu, ông ngủ thiếp đi...

Bản tin sáng phát ra từ một chiếc loa treo ở cột điện góc phố, đã đánh thức ông dậy. Đầu óc nặng trĩu, trí nhớ loáng thoáng về mọi điều xảy ra hồi đêm; song ông hoàn toàn không dám chắc đó là thực hay mơ.

Nhưng sao yên ắng quá. Mọi sáng, vào giờ này đã nghe tiếng chân lên cầu thang sẽ sàng và thoăn thoắt của nàng; rồi tiếng nước rây róc rách vào các khóm hoa, gốc cây cảnh trên sân thượng. Và trong ánh sáng mờ mờ của vầng dương mới hình thành đâu đó phía chân trời, nàng trong bộ đồ mặc ở nhà vén cao, lộ rõ những bắp chân, bắp tay trắng trẻo, thon lẳn; với những động tác tưới cây dịu dàng uyển chuyển làm sao!

Không chịu nổi sự im ắng, ông vùng dậy, mặc bộ pijama, rồi vừa cài cúc áo vừa lao xuống cầu thang. Cánh cửa phòng nàng nhẹ tênh trong tay ông. Và hiện ra một căn phòng lặng ngắt, trống trơ, chẳng còn dấu vết gì chứng tỏ bấy lâu nàng vẫn sống ở đây, ngoài một đôi guốc cũ đứt quai, nằm đóng bụi xó giường...

Ngày hôm sau, ông lần tìm được ngôi nhà tranh của bà ngoại nàng ở ven thành. Nhưng không có nàng ở đấy nữa. Bà già đón ông gương mặt đượm buồn. Và, câu nói trách móc về băng quơ và hóm hình của bà, ông vẫn còn nhớ: “Đời thừa, chim đậu không bắt, lại đi bắt chim bay!”.

Thế là ông để mất nàng. Phải, chính ông để mất nàng, để mất hạnh phúc duy nhất và muôn màng của đời mình. Năm năm trời, nàng trôi dạt nơi đâu giữa cái dòng đời cuộn xiết? Giờ đây trong ông, nàng như một kỷ niệm, một hoài niệm nhức nhối của một thời xa vắng, nông nổi...

Thế mà, bỗng dưng nàng đột ngột trở về. Phải chăng nàng đã tha thứ những lỗi lầm của ông? ý nghĩ này khiến ông phấn chấn, cho xe hoà vào dòng người chảy xiết qua cầu Tràng Tiền.

Những cánh bướm, những mái chèo ẩn hiện trong sương lạnh về chen chúc trước chợ Đông Ba trăm màu sắc của ngày giáp tết.

Ông cho xe men theo đại lộ Hùng Vương tấp nập người, hồi hộp và thắc thỏm chờ đợi cái ngã tư của những người bán hoa, nơi sáng qua ông nhận ra nàng.

Ông dựng xe vào góc phố và bắt đầu bươn bả trên cái lề đường vừa hoa vừa người đông đúc. Ông đến được gốc si, nơi nàng hẹn gặp ông sáng nay. Nhưng ông hoàn toàn hụt hẫng, bởi chỗ đó bây giờ là một bà già teo quắt và khắc khổ, với mớ hoa cúc vạn thọ cũng khắc khổ như người bà. Ông đảo mắt quanh một lượt như ước lượng, rồi quyết định bắt đầu sự tìm kiếm của mình có thứ tự, từ đầu này đến đầu kia của cung đường, để tránh bỏ sót.

Nhưng ông hoài công tìm kiếm. Đến chót người cuối cùng, nàng vẫn như một giấc mơ sau khi ông bừng tỉnh. Ông đứng chôn chân lặng ngắt bên lề đường, nét mặt hằn nổi đau khắc khoải. Không ai hay biết chuyện gì của ông.

Đêm không trăng

Anh quay người, cất tiếng chào rõ to, thậm chí cố gắng đặt những bước chân quả quyết trên nền đất trước hiên, còn ngoái lại nói vọng vào nhà những câu dặn dò nghiêm túc, đủ cho mọi căn phòng của khu tập thể giáo viên hiểu rằng anh đã về.

Nhưng lúc vừa cất bước ra khỏi cổng, khuất lấp bởi rặng tràm hoa vàng, thì anh liền dừng lại. Vờ vạch quần làm một động tác đi giải, anh vừa lặng lẽ quan sát vẻ động tĩnh của ngôi nhà. Và khi khẳng định mọi cái trở nên yên ắng, an toàn, và căn phòng cô nàng tắt điện, lòng anh nhói lên, hồi hộp quay lại. Mười đầu ngón chân của một thời là lính trinh sát đặt nhẹ và êm, nương theo bóng tối nhặt nhoà của giậu mướp đắng. Giây sau, anh đã như một chiếc lá rơi nghiêng lên mặt thềm, vừa đưa tay ẩy nhẹ cánh cửa khép hờ. Cánh cửa âm thầm chốt lại sau lưng khi bóng anh chỉ như một ngọn gió thoảng mỏng lách vào phòng. Run rẩy và cẩn trọng, anh cố giữ bình

tĩnh mọi thao tác trong bóng tối.

Và khi vắt vội bộ quần áo vừa cởi lên thành ghế tựa như mọi lần, anh đã cảm thấy những hơi thở nóng hổi nồng nàn phả vào bả vai. Anh quay lại, và trong bóng tối đen đặc, quờ tay gặp thân thể không dính một mảnh vải của cô nàng đợi sẵn. Hai người xoắn riết lấy nhau. Lát sau, anh bế cái thân hình múp máp, mềm nhũn như đã chết đặt nhẹ lên giường, nơi hình như cô nàng có vấy ít nước hoa...

Những cuộc tình vụng trộm thế này, từ lâu với anh không còn lạ nữa; nó chẳng phải là nhu cầu của một tình yêu đắm đuối, say mê và hạnh phúc, đó chỉ là thói quen xác thịt xuất phát từ một nhu cầu vị kỷ của sự trả thù, của nỗi hận đời, một mối hận sâu kín, lạnh căm và nặng nề đeo đẳng mãi không thôi...

Bây giờ, thằng con của anh, đúng hơn là thằng con của vợ anh, càng ngày càng lộ rõ dấu vết hình hài của ông ấy, đến nỗi không tài chi chịu được.

Có phải cuộc đời vốn kỳ cục, kênh kiệu, và vô lý vậy không. Đến nỗi, đôi khi, anh nghĩ mình như một thứ đồ chơi trong tay kẻ khác. Khi anh từ mặt trận về, còn tươi nguyên những dự định, những ước ao của người vừa học xong đại học, ông Phán đã giới ngay những gáo nước lạnh lẻo lên đầu, lúc anh cầm quyết định về Trường sư phạm của ông công tác. "Hừm"! cụt tay cụt chân cũng không, mắt mũi đui mù cũng không...", cái nhìn của ông bằng đôi mắt sẫm soi qua khe hẹp giữa vầng trán rướn nhăn xếp lớp với cái kính lão già nua, gãy gọng một bên được thay bằng sợi chỉ buộc vòng qua tai trĩ xuống tận sống mũi, cứ lướt trên người anh từ đầu đến chân, rồi từ chân

lên đầu ngằm bảo “Không đui què mề sút gì, sao gọi là thương binh? Hừm, hẳn là một gã “cu chuồn” được ai che chở đây!”, ánh mắt nghi hoặc, cần trọng của ông căn ke trên từng dòng hồ sơ của anh, lại nói thế.

Cuối cùng, sau khi đã cật vấn xét nét anh trên mọi phương diện, ông Phán cất giọng khàn khàn, khế đặc xái thuốc:

- Hèm! Bây giờ tôi tạm bố trí anh về chỗ tổ giáo viên toán. Anh phải cố gắng đi dự giờ, rút kinh nghiệm một thời gian.

Lúc đó, anh hoàn toàn không lường hết được cái nội dung thực chất hàm chứa trong quyết định này của ông Phán. Cũng phải thôi. Anh, một sinh viên vừa buông bút sau bài thi tốt nghiệp cuối cùng, đã khoác vội áo lính đi thẳng vào chiến trường. Và sau vài lần sốt ruột đứng và dự dăm ba trận đánh chưa rõ mặt địch, đã bị thương. Người ta lôi anh từ dưới hố B52 bầm dập và tứa máu: vội chuyển anh ra Bắc.

Và lần đầu tiên trong đời, hăm hở cầm quyết định bước vào nghề dạy học, nghề mà anh say mê, quý trọng và được đào tạo đến nơi đến chốn. Bởi thế, lúc đó với nghề, anh là tên lính mới tò te, nào đã biết mô tê chi các góc ngách của đời sống nhà trường, mà hiểu nổi dụng tâm của ông Phán? Mãi ba năm ròng rã, anh mới thấm thía sự ngu ngơ của mình trong việc chấp hành quyết định “đi dự giờ, rút kinh nghiệm một thời gian” đó của ông. Nghĩa là, trong ba năm đó, trừ những lúc sốt lắn sốt lóc, người ta coi anh như là người chưa có việc làm, đúng hơn là một thứ nhân lực dự phòng cho mọi thứ công việc đột xuất thường xảy ra không tên không tuổi ở một nhà trường.

Xếp hàng mua gạo, thịt, bồ cùi tập đoàn, dọn phòng thí nghiệm, đánh kèng báo giờ... vân vân và vân vân.

Cho đến lúc, trong anh kỳ hết mọi ước mơ, mọi ý nguyện trở thành giáo viên giỏi mà anh hằng ngưỡng vọng, ôm ấp từ ngày làm đơn thi vào ngành; đến nỗi, những trang tích lũy dày công, những đề cương nghiên cứu lâu dài, trước kia anh quý như vàng, giờ đây đã trở nên vô vị, vô nghĩa hết sức, nằm đóng bụi nhện chẳng ở xó góc, chỉ còn mỗi tác dụng duy nhất là giúp anh nhóm lên ngọn lửa đủ luộc chín hai phần lon gạo cho hai bữa ăn của người độc thân trong mỗi ngày chủ nhật không có tập đoàn.

Thế mà sự cay cực vẫn chưa buông tha. Có một lần, có lẽ do thiếu người, người ta cho anh đi coi thi, một kỳ thi có giá trị nội bộ. Lúc đó trường còn ở nơi sơ tán của mười năm trước, trên một vùng đồi hoang dại đầy sim mua và lá đuôi chồn. Trước ố vẫn là những dãy nhà tranh, bàn ghế là những thân cây đẽo bằng rựa rìu nham nhở vôi vàng. Hẳn nhiên, không đủ bàn ghế cho giáo viên; trong vòng năm mươi phút của một tiết giảng, giáo viên phải đứng. Nhưng anh, con người chưa được một giờ đứng lớp, không thể có thói quen đứng liền ba giờ của mỗi buổi thi. Anh mệt rũ rời, chân nặng trĩu, cột sống cứng đờ, buộc phải tìm chỗ gập người một tí. Và anh bẻ một nắm sim ngay cửa lớp, lột lên mặt lụa chần bom xưa kia, tựa người nửa ngồi nửa đứng lên đấy.

Bây giờ thì anh tin rằng, trong những tháng năm đó, dù ở xó xỉnh nào, đôi mắt ông Phán vẫn theo dõi anh. Đúng cái thời khắc con người đỡ mọi đôi chút do thay đổi tư thế, thì ông Phán đi ngang, đôi

mắt sâu ẩn dưới hai vệt lông mày rậm và thô trên khuôn mặt xương sạm, khắc khổ đã như một tia chớp liếc xéo qua người anh.

Buổi trưa, anh được lệnh đến phòng hiệu trưởng. Vừa thấy bóng anh ở ngưỡng cửa, ông đã “phang” té tát:

Rằng đồ tư tưởng tiểu tư sản, không chịu rèn luyện gian khổ, rằng hành động của anh là cố ý bôi nhọ chế độ, nhà trường, rằng đất nước còn nghèo, vừa ra khỏi chiến tranh, chuyện không có bàn ghế là thường tình, sao hàng bao nhiêu con người không ai bẻ lá xuống đất như anh? Rằng các anh bây giờ được thế này là sướng nhất hạng, chứ hồi tôi đi dân công chống Pháp, phải hái lá rừng làm bát, bẻ cây rừng làm đũa, đêm xúm quanh mo cơm không đèn đóm, có khi gặp thức ăn mà gặp phải đất sỏi, nào ai kêu ca chi mô? Vừa nói, một bàn tay của ông ngửa ra, khum lại làm bát và bàn tay kia đưa ra hai ngón tay tượng trưng cho đôi đũa, rồi và không khí vào miệng để mô tả cho bữa cơm giữa rừng đêm cách đây ba mươi năm. Lúc đó, anh thấy đôi mắt ông như bốc lửa, khuôn mặt sắt lại, tái nhợt và thấy rõ cả những chiếc răng giả, rung rung như chực văng ra khỏi miệng cùng những tia nước bọt.

Thế là, từ đó ước muốn được làm một giáo viên đứng lớp bình thường cũng trở nên xa vời, trở nên tầm tối và vô vọng, nói chi đến chuyện trở thành giáo viên giỏi? Bất kỳ cuộc họp lớn nhỏ nào, anh cũng được ông Phán nhắc ra như một kẻ chậm tiến, một gã cá biệt, đến nỗi chính anh cũng nghi ngờ lẫn mình và bỗng thấy mình là gánh nặng đến mệt mỏi của cái tập thể này.

Không ai lường được mọi chuyện xảy ra sau này. Chính ông Phán đã

dụng tâm đẩy anh vào ngõ cụt, giết chết mọi ước mơ, lại cũng chính ông Phán, bất ngờ chìa bàn tay ân nhân mở cho anh một đại lộ, tặng bốc anh tận mây xanh, khoác lên người anh những hào quang chói mắt...

Cơ sốt rừng trở lại với anh dày hơn, thậm chí có quãng nó đến hàng ngày như cơm bữa. Những lúc như thế, bạn bè phải đỡ chông lên người anh hai ba lớp chăn bông, và một thanh niên to khoẻ nửa năm sắp, đè chen lên mình anh cho đến khi cơn sốt dịu xuống.

Thảo là người phụ nữ hiếm hoi của tổ anh, nàng trầm lặng dịu dàng và dễ mến. Nàng không rực rỡ, hấp dẫn người ta ngay lập tức, nhưng lại ẩn giấu một vẻ đẹp khoẻ khoắn, thâm trầm. Với làn da nâu sáng, mịn bóng và thân hình thon gọn, mọi công việc vào tay nàng trôi chảy như không. Trên gương mặt mỏng manh nhẹ nhõm thường biểu lộ những nét gượng gượng của sự khuôn phép gương mẫu trong lối sống của mình. Anh cho rằng đó là do cương vị mới của Thảo, người đảng viên duy nhất của tổ, vừa mới được kết nạp tháng trước, có bốn phận coi sóc diu dắt phần hồn của mấy anh chàng lông bông này.

Bây giờ nhớ lại, anh thấy đó là một buổi chiều đáng nguyên rủa, một buổi chiều chó chết, đã âm thầm đẩy cuộc đời anh vào cảnh "khóc hổ người, cười ra nước mắt!". Thường thì chủ nhật nào chí ít cũng có vài anh chàng ở lại. Quái quỷ xui khiến thế nào, hôm ấy chỉ còn lại mỗi mình anh và Thảo. Bởi chỉ còn hai người nên Thảo nhận việc thổi cơm luôn giúp anh. Rồi là anh lên cơn sốt ngay tại phòng nàng, trong khi ngồi đợi cơm, tò mò ngắm gian phòng con gái bày biện ngăn

nắp, đẹp dễ với tấm ri đô hoa nền nã che chỗ ngủ với bàn làm việc bên ngoài, và mặt tường dán đầy ảnh những cô bé, cậu bé khôi ngô, bụ bẫm cắt từ hoạ báo nào đó ra. Thảo không còn cách nào khác là dìu anh lên giường, đắp cho anh tấm chăn bông và úp mình đè ghì lên người anh, như mọi lần thấy các anh chàng trong tổ vẫn làm, để vật lộn cùng cơn sốt đang nghiêng ngửa đất trời.

Cho đến bây giờ, anh không biết gì cụ thể, không nhớ gì cụ thể nữa. Phải! Hình như không có cái ranh giới ấy, cái ranh giới giữa cơn sốt điên đảo với cơn cuồng nhiệt bạo liệt sau đó. Bởi chúng chỉ cách nhau có một lần chăn bông! Mà thực ra, cái chăn bông ấy cũng tuột đi đâu từ lúc nào. Anh chỉ còn nhớ mang máng là lúc đó, bàn tay thô ráp, tái xạm của anh nắm phải bàn tay mảnh dẻ, mềm mại của nàng, đôi môi khô khát nứt nẻ của anh bắt gặp đôi môi ẩm ướt, dịu ngọt của nàng; và cả thân hình hạn hán, háo nước của anh tan biến trong cái bao la mát mẻ và thanh xuân của nàng... Ngoài ra, anh không còn biết một cái gì khác, kể cả việc ông Phán đẩy cửa bước vào lúc nào. Anh chỉ thực sự tỉnh lại nhờ một linh tính nào đó lay thức. Khi đó, trên bộ mặt khắc khổ, thiếu não của ông Phán có những nét rất khó tả, vừa giễu mĩa, tinh ranh ác độc, vừa thoáng một nét cười thoả mãn của kẻ vừa lập được "chiến tích". Nghe nói ông là chúa trong việc rình bắt các vụ hủ hoá và nhận định bọn học sinh gái có thai. Lúc đó, hai người chỉ kịp kéo hai góc cái chăn bông bấy giờ bị lăn xuống đất, che lên nửa mình. Anh thì hết sức hốt hoảng, lo lắng cho Thảo. Nhưng anh thấy rõ là nàng ngồi im, đầu cúi xuống, mái tóc dày và dài thường đánh thành hai lọn buông trước ngực, giờ sổ tung,

tựa hồ có một chiếc khăn đen phủ lên người khiến anh không nhìn rõ được sắc mặt của nàng.

Ông Phán lạnh lùng chìa cho anh tờ biên bản, mà giờ nhớ lại, hình như nó đã được đánh máy sẵn theo mẫu, chỉ việc điền tên đương sự là xong. Anh ký vào chỗ của mình như một cái máy và ngơ ngác không biết nên xử sự thế nào. Cho đến khi ông Phán sắp bước ra, anh bỗng líu giọng, lắp bắp van xin:

- Chúng tôi... yêu nhau. Tôi... yêu cô ấy... lâu rồi. Anh thông cảm... bỏ qua cho...

Ông Phán nhìn lên mái nhà, nháy nháy đôi mắt sâu hoắm và cười rung cả những chiếc răng giả, tưởng như ông rất thông cảm cho sự lầm lẫn, vụng dại do bông bột của hai con người tuổi trẻ yêu nhau. Ông Phán đi khuất rồi, quay lại anh nhận ra Thảo khóc. Nàng khóc tức tưởi, đôi vai trần khẽ rung lên từng đợt nhỏ. Nàng khóc như thế rất lâu, khiến anh bồn chồn xót xa. Lúc đó anh ngỡ mình hiểu được những giọt nước mắt khổ tâm ấy. Và anh chợt thấy mình thô bỉ, đều cáng hết sức, nhơ nhuốc hết sức. Anh vò đầu, bứt tai tự phi nhổ mình, day nghiêng nhểch móc mình đã đẩy nàng vào chỗ mất mát, đẩy một cô gái, một đảng viên trong trắng vào chỗ hoen ố. Anh bỗng thấy thương nàng, một tình thương của kẻ "trót nhúng chàm", và sẵn lòng làm hết thấy để phẩm chất chính trị của nàng được toàn vẹn.

Nhưng sau này, khi mọi sự trong anh vỡ lẽ, anh lờ mờ nhận ra rằng, Thảo khóc không phải vì thế. Có lẽ nàng khóc vì sự đồng bóng, sự vô nghĩa của những ảo vọng mà nàng bị huyền hoặc và phải đối bằng

sự trinh trắng con gái để vươn tới, nhưng khi đạt được rồi, chợt thấy thần tượng của mình sụp đổ như một thứ bong bóng xà phòng?
Cũng có thể nàng khóc vì thương hại anh, thương hại một anh chàng tốt bụng, ngu ngơ và đại dột trước cạm bẫy của trò đời? Hay nàng khóc vì quá vui sướng khi biết chắc mình tai qua nạn khỏi; đó là nước mắt của kẻ chết đuối vớ được cọc?

Sớm hôm sau, anh được mời lên phòng hiệu trưởng.

Khác với một trận sấm sét bổ xuống đầu và một kỷ luật nghiêm ngặt buộc anh thôi việc, đồng thời Thảo bị khai trừ ra khỏi Đảng như anh tưởng tượng, ông Phán nhũn nhặn mời anh ngồi, rót nước mời anh uống, rồi đưa giấy bút cho anh, bảo thuật lại "quá trình yêu nhau" của hai người. Anh cảm động và bốc lên phóng to những cảm mến thường ngày của mình với Thảo, khao khát mong sao nhờ nó mà giảm nhẹ kỷ luật cho nàng.

Khi đã khoá chắc chắn tờ "kiểm điểm" có tính tự thuật của anh vào tủ hồ sơ bằng sắt, ông Phán hạ giọng:

- Tôi là tôi tâm lý lắm. Trai chưa vợ, gái chưa chồng yêu nhau, tìm hiểu nhau, cái "sự ấy" đôi khi xảy ra là thường tình, có gì mà kỷ luật với kỷ liếc!

Ông dừng lại cười hà hà, khuôn mặt dúm dỏ như khóc, những chiếc răng giả rung rung, như sắp rơi ra. Cuối cùng, giọng ông hạ thêm nữa:

- Miễn là... anh chị cưới nhau.

- Dạ, chúng em đội ơn anh suốt đời ạ!

Anh nói nhanh, sung sướng nhiệt thành đến suýt nữa hôn lên bàn

tay gầy gò đen đúa, vàng xỉn khói thuốc của ông khi ông đưa tay cho anh bắt lần cuối. Và khi sắp bước đi, anh còn bị ông kéo lại, đặt tay lên vai và thì thầm vào tai rất thân tình:

- Này, "lấy vợ thì cưới liền tay", ông bà xưa chẳng bảo thế là gì? Hà? Ha ha ha... Cưới đi! Mai cả hai lên đây, tôi cho giấy mà đi đăng ký, nghe? Ha ha ha...

Ông nói, cười và bổ bã vố lên vai anh cái vố đầy yêu thương, sắp xếp lo toan của bậc cha chú trước tương lai con cháu, khiến anh mừng hú, chân bước trên đường bằng mà cứ lâng lâng như bay trên mây... Đám cưới đầm ấm và tưng bừng. Những anh chàng "đực rựa" của tổ anh cứ nhẩy lên như con chơi chơi, nhường hết tiêu chuẩn trà thuốc cung cấp cả quý cho đám cưới của anh. Thưởng ấy không có "cuộc lủi" đâu, nhà nước cấm tiệt, chỉ có rượu dâu, rượu sim của nhà máy rượu Bồng Lai sơ tán, cất ủ trong những cái chum sành to tướng, sóng sánh màu hổ phách, uống vào tiếng cười nào, ánh mắt nào cũng chung chiêng, lung liêng... ông Phán vui vẻ hơn cả, uống hàng bát "bê năm hai", miệng luôn khen ngợi anh và Thảo hết sức đẹp đôi, rằng anh rất tốt số.

Đúng là anh tốt số. Sau ngày cưới, anh không những không bị kỷ luật thôi việc, hay đầy đi làm tạp vụ như anh lo sợ, mà ngược lại, anh được bố trí giảng dạy ngay, điều mà anh mong ước đến cháy bỏng ruột gan hàng chục năm nay. Thảo cũng vậy, nàng chẳng bị ai cật vấn, xét nét gì.

Anh hoàn toàn mãn nguyện, hạnh phúc khi thấy Thảo sắm sửa, lo xa những thứ cần thiết cho phụ nữ sinh nở. Có lẽ nàng cũng thế. Chỉ nổi

là, đôi khi anh bắt gặp nàng có vẻ như sức tình bàng hoàng, thảng thốt một nỗi buồn lặng lẽ. Và điều đó càng khiến anh tỏ rõ sự âu yếm chiều chuộng nàng hơn nữa, mong thời gian bù đắp phần thiếu hụt tình yêu chưa có trước đây của hai người. Đã không ít cặp thành vợ thành chồng rồi mới thành tình yêu đôi lứa đó sao?

Nhưng anh không ngờ chính thời gian đã phản bội anh, chính thời gian đã làm cho cái hạnh phúc non nớt mà anh vun vén, chăm chút đã tan vỡ không phương cứu chữa. Bởi thời gian không mang trong nó trái tim người. Thời gian lạnh lùng, vô tâm và nghiệt ngã. Thời gian phũ phàng, tàn nhẫn, cứ ngày, giờ, phút, giây, năm tháng rầm rập biến hoa thành quả, không xê dịch.

Phải. Bất chấp cả sự lo lắng kín đáo của nàng, thời gian đã làm một quả bom nổ không thành tiếng, và cuối cùng, găm một mảnh vỡ không cách chi mổ phẫu được, lặn đâu đó trong ngực trái anh.

Một đêm, đang khuya, anh chợt nghe mơ hồ trong giấc ngủ tiếng Thảo rên nhè nhẹ. Anh mở mắt và bắt gặp nàng đang ôm bụng co quắp, mồ hôi vã ra. Anh và bạn bè vội vã gọi nàng lên trạm xá trường cấp cứu, ai cũng nghĩ đến nàng bị động thai. Nhưng ông y sĩ trạm trưởng, to lớn và thô giáp như một gã lực điền, xem qua và lạnh lùng bảo: "Phải chuyển lên tuyến trên gấp, ở đây không có phương tiện". Khi đó anh em ai cũng hoảng hốt vì nghĩ đến một căn bệnh hiểm nghèo nào đó, vội ba chân bốn cẳng thay nhau vồng nàng vượt mấy quả đồi đất sỏi và mấy quãng khe lầy lội sau mùa mưa, kịp đến bệnh viện khi gà vừa gáy sáng.

Người ta đưa nàng vào phòng sản phụ. Và lát sau, cùng với mặt trời

đỏ ối, như một cái mâm lửa, đội rặng cát nhô lên từ phía biển, hắt những tia vàng chói rực rỡ đầu tiên lên hành lang và những bức tường trắng, là tiếng oa oa non nớt của mầm sống chào đời. Cô y tá trực đêm ló khuôn mặt tái nhợt, đôi mắt thâm quầng sáng lên, nói hớn hở cái điều mà cô nghĩ là anh hẳn sướng phát điên lên: “Con trai! Con trai” rồi biến mất, để lại anh hoá đá... Mấy thằng bạn vô tư vô tâm, quên hết mệt nhọc, cứ ôm lấy anh mà lay mà đấm, mà thụi, mà nhảy tưng bưng, mà cười ha hả, mắng yêu: “Thằng khi, tấm ngấm mà đấm chết voi! Chúng ông chịu mày đấy”. Anh cười mếu máo, nắm miến cưỡng những bàn tay chúc mừng của họ trong sự ngọt ngào của quả bồ hòn chen ngang họng: Vợ anh đã sinh con chưa đầy năm tháng, tính cả cái buổi chiều “chết tiệt” ấy.

Một cuộc chiến tranh lạnh không tuyên bố và không hạn định đã xảy ra giữa hai người. Nói của đáng tội, giai đoạn đầu, khi Thảo còn trong kỳ “năm bếp”, anh đã cố xử sự để nàng hoàn toàn yên tâm. Bởi sâu xa, anh sợ một cơn hậu sản có thể gây nguy hại đến tính mạng nàng. Anh vồn vã, chăm vậ cả mẹ lẫn con như không hề có chuyện gì xảy ra.

Nhưng, một lần, có lẽ chính sự chăm sóc vồ vập ấy khiến Thảo nhạy cảm được ý nghĩ của anh, hay chính nàng thấy kéo dài việc xưng tội với anh là có lỗi lớn trước con người độ lượng quá đổi, đã khể khàng nói trong nước mắt và hoảng hốt nhìn đứa con đỏ hỏn như sợ nó nghe thấy: “Xin anh tha tội... Em có lỗi lớn với anh... Nhưng mà... em thương anh, em yêu anh!...”. Anh nhìn sắc mặt tái nhợt vì mất máu khi sinh nở, vẻ yếu đuối đại khờ khi van xin của nàng, và nhìn cái

thân thể trứng nước, tím tái như con chuột con của thằng bé, nói át đi. “Bậy nào! Cá ai vào ao ta là cá ta, phải không cún con?”. Anh nói nựng và áp môi vờ hôn lên vùng trán nhỏ xíu đầy lông tơ của thằng bé, để tâm nàng dịu lại. Lúc đó anh hoàn toàn không ngờ rằng nó là “tác phẩm” của ông ấy...

Song, mọi gắng gượng, mọi bù đắp âm thầm của Thảo đều trở nên vô hiệu, vô nghĩa. Nàng thực sự yêu anh, thương con, nhưng không sao gắn bó được hai người. Và đặc biệt không sao tẩy rửa được ám ảnh khủng khiếp vì nỗi đại đột đem sự trinh trắng thiêng liêng của thân con gái dâng cho quỷ ác, để đổi lấy danh vọng hảo huyền. Con anh, từ khi lấy vợ, đúng hơn là từ cái buổi sáng tờ “kiểm điểm” của anh được khoá vào tủ sắt, được ông Phán đối xử như người tâm phúc, ông biểu dương, ca ngợi anh mọi nơi mọi lúc, như một điển hình mẫu mực về “chí tiến thủ cách mạng”. Rồi anh nhanh chóng được cử làm tổ trưởng chuyên môn, được đề nghị cho đi học một lớp chính trị dài hạn, chuẩn bị cho đội ngũ “kế cận”... và được bao nhiêu thứ khác. Đến nỗi anh ngỡ đấy là sự thật, là chính sức vóc của anh. Và anh thầm cảm ơn người ân nhân già nọ đã có lúc phát hiện ra đúng tài năng của con người anh. Có lẽ vinh quang đạt được không chút mồ hôi và mang nặng hàm ơn ấy, đã khiến anh tự nhu nhược mình, mềm yếu để ếm giữ tình yêu và hạnh phúc mong manh ấy. Anh và Thảo, cả hai tiếp tục tự dối mình và cùng dối mọi người trước tình yêu và hạnh phúc gia đình, để rồi suốt mười lăm năm trời cùng nhau sống cô độc dưới một mái nhà, trên một cái giường chật hẹp. Cuộc hôn nhân đã trở nên một cuộc góp gạo thổi cơm chung lâu dài

và tẻ nhạt. Đêm đêm, anh chủ động quay mặt đi một hướng khác, và thức đến khuya một mình. Thực ra, mọi chuyện hoàn toàn không hẳn như thế. Anh thừa biết sau này, nghĩa là sau ngày có nhau, Thảo rất yêu anh. Nhưng anh, với mặc cảm của kẻ bị lừa gạt, bị đánh bẫy, anh sẵn lòng dang tay trừng phạt. Đêm, nàng thở dài âm thầm, và nén khóc. Đôi khi trong khuya vắng, nàng cũng kín đáo, vờ ngủ say vô tình xoay người quàng tay qua ngực anh, ôm lấy người anh như là mê ngủ. Anh đã tỉnh táo, tôn trọng cơn "mê ngủ" ấy của nàng, khẽ khàng lần gỡ cánh tay đang ôm ấp ngực mình và lặng lẽ dịch người ra một chút.

Người ta mời Thảo báo cáo ở các hội nghị điển hình về sinh đẻ có kế hoạch khi con nàng năm tuổi, mười tuổi, rồi mười lăm tuổi...

Có lẽ, lỗi ở bà mụ. Bà mụ vô tâm cho ra đời một thằng bé không đủ tháng, rồi chính mụ cố tình nặn thân hình có những nét mà thoáng nhìn cũng đủ cho anh ngứa mắt. Khuôn mặt choắt đau khổ với đôi mắt sâu và hàng mày rậm, cộng với màu da mai mái, xin xin, từ thừa chập chững biết đi, đã không để lòng anh yên. Đôi khi anh bàng hoàng ngơ ngác không sao cắt nghĩa được vì đâu Thảo không lằm lở với một gã cha căng chú kiết nào đó, lại lằm lở với ông Phán, mà giờ đây, dưới mắt anh là một lão già hom hem và quý quyết? Và điều này khiến anh âm thầm một nỗi đắng cay xót buốt không thôi khi nghĩ rằng mình chẳng khác con chim cà cưỡng ngu ngơ để suốt đời nuôi nấng con cho một lão tu hú xảo trá. Thằng bé càng lớn, anh càng đau khổ. Bởi trước mắt anh, càng ngày nó càng phô ra cái thân thể xương xẩu khô khan của ông Phán. Từ cái dáng nó ngồi học bài

chồm hồm bên bàn như ông Phán ngồi ở phòng làm việc, đến lời ăn, tiếng nói, dáng đi... Tất tậ như hiện diện một ông Phán hàng ngày ở trong nhà. Vẫn biết thằng bé hoàn toàn không có chút tội tình chi, nhưng không hiểu sao anh bực bở đến mức sẵn sàng đá dít, bậ tai khi kiểm được cớ.

Thằng bé hình như vừa lọt lòng đã hiểu được thân phận mình, nó sống lạng lẽ và khép nép, tuồng như nó cố thu nhỏ mình lại, cố như không có mặt nó trong ngôi nhà đã vắng lặng này. Bây giờ, thằng bé đã mười lăm tuổi, khoẻ mạnh và răn rỏi lên đôi chút. Và hình như nó học được ít nhiều tâm tính anh, nhất là khả năng miệt mài đèn sách đêm đêm. Điều anh không ngờ được là giờ đây, khi nó đã ý thức được nhiều điều, thì trong mắt nó, anh là người cha đáng kính và mẫu mực, là thần tượng mà nó vươn tới bởi tài cao học rộng. Đôi khi chỉ một mình Thảo, nó khoe: "Mẹ ơi, cha bảo con phải giải hết các bài toán này" hoặc: "Mẹ ơi, cha bảo học xong con thi vào ngành vật lý"... Hẳn nhiên, những lúc như thế, nàng chỉ nhìn con, buồn im lặng. Dầu thế, với anh, nó vẫn là một lão Phán con, vẫn là một ung nhọt ở nơi sâu kín không ai hay biết, suốt đời mưng mủ nhức nhối mà không sao bung vỡ được; vẫn là một mảnh đạn nằm sâu trong đáy ngực, mà mỗi lời bóng gió xa xôi hay vô tình của người đời, là như một lần trở trời, vết thương lại sưng tấy âm ỉ buốt nhói. Có lẽ tận chót đời, tận ngày xuống lỗ, nỗi đau nhức ấy, mỗi hận đời ấy sẽ vẫn không buông rời anh, không tha anh...

Anh đã đối diện thẳng ngày với chính mình, với nỗi ê chề đau đớn của mình, với những gì huyền hoặc của mình, với vết thương không

có miệng của mình. Và, không hiểu sao lại sinh cái sự đốn mạt ấy.

Hay là sự thèm khát xác thịt mà bao năm ức chế khi đêm đêm nằm bên vợ, để bây giờ cần được giải thoát?

Hay chính vì cô ta? Cô ta đọc được nỗi cô đơn trường cửu trong anh và sẵn lòng sẻ chia? Cũng có thể cô ta chỉ là ngọn gió phóng túng, thổi vô tình ngang qua cuộc đời nhiều uẩn khúc của anh, thắp bùng lên trong anh quyết tâm “trả món nợ đời” đeo đẳng bao năm? Không biết nữa. Có điều chắc chắn là, nhờ cô ả mà anh hiểu rằng, đàn bà có lẽ có nhiều loại, có người sinh ra để làm vợ, nhưng có kẻ sinh ra chỉ giỏi làm nhân tình. Cô ta là giáo viên trường anh. Chồng cô ta ở xa, một năm mười lăm ngày phép và vài ba lần tranh thủ, còn thì cô nàng là của anh. Nhưng giữa anh và cô nàng, dầu thế, cũng không được bừa bãi. Hai người tuân thủ một quy ước nghiêm ngặt: Mỗi lần cô vào văn phòng, thoáng qua chỗ làm việc của anh, mang theo trên lọn tóc buộc cao để hờ cả cổ và gáy làn da trắng nõn, một dải vải đỏ tươi màu hoa mười giờ, ấy là lời nhắn mời, lời thông báo, rằng đêm ấy chồng cô không về và trời cũng không có trăng. Phải là đêm không trăng, bởi cái khu tập thể đông đúc và trống trải ấy, nếu sáng trăng, anh không thể quay lại lần thứ hai mà không bị phát giác.

Bao giờ cũng thế, anh đi một vòng, ghé thăm chỗ này chỗ kia, nói dăm ba câu chuyện phiếm giết thời gian, cho đến khi xung quanh lác đác tắt điện, anh mới ghé vào chỗ cô nàng.

Anh nhắc cô về tình hình của lớp, về những học sinh cá biệt, và cuối cùng, vấp phải cái đuôi mắt đen láy, đắm ướt cái nhìn đắm đuối của cô nàng nháy lên, như một tia chớp chém qua người anh, thì anh làm

bộ ngáp dài, chào ra về, để ít phút sau đó, nhẹ nhàng và kín đáo quay trở lại, lách qua cánh cửa khép hờ như một làn gió...

Ra khỏi khu tập thể giáo viên trời đã khuya, mọi ngã đường tĩnh mịch và hoe hoắt. Anh bước đi trong làn gió đêm mơn man dịu nhẹ, phảng phất đâu đó nơi môi, nơi mắt, nơi tóc và cả hai bàn tay mùi da thịt cô nàng lưu luyến. Anh rẽ vào lối ngõ tối om, hun hút quanh co với những thân cây xoan, mít và vú sữa sù sì mọc lồi lõm mà do thói quen nhận ra nhiều hơn là nhìn thấy chúng; cố đi thật chậm để lấy lại nhịp thở bình thường trước khi vào nhà. Dẫu sao, anh vẫn có chút gì đó áy náy về hành vi vụng trộm nhẩn tâm của mình trước người vợ bị anh cầm tù bao năm.

Ngôi nhà của anh cuối chót con hẻm, lọt thỏm trong một xó vườn cây cối um tùm, còn le lói ánh đèn. Hẳn là thằng bé chưa ngủ, thường sau học nhóm về, nó còn đọc sách đến khuya. Còn vài chục bước chân, anh lấy lại vẻ xốc vác, vội vã như thể mình vì lẽ câu chuyện phải về muộn.

Nhưng khi vào đến khoảnh sân bé nhỏ, lạo sạo đất sỏi, anh linh cảm có cái gì không bình thường, bởi các cửa sổ đều đóng kín, và từ trong nhà vọng ra những mẫu đối thoại ngắn ngủn và nén nắc với nhiều cung bậc lạ tai mà anh nghe không rõ. Anh dừng lại, và bước nhẹ trên mười đầu ngón chân của lính trinh sát, đến áp nhẹ vào liếp lâu ngày bị nắng kéo thưa nhiều chỗ. Và anh chết lặng...

Trên chiếc ghế băng đặt quay mặt vào, hai bóng người đang ngồi run rẩy, đầu cúi gằm như đang sám hối. Người thứ nhất anh sớm nhận ra là Thảo, trong bộ váy ngắn nàng thường mặc ngủ, để hở cả

ngực, vai và hai cánh tay trần. Cái cơ thể ấy anh đã từng hoan hỉ ôm ấp trong suốt cả tuần trăng mật cách đây mười lăm năm. Dẫu thời gian dài đã đi qua, nàng có già đi đôi chút, trên gương mặt và dọc hai mu bàn tay rám nắng nổi gân, nhưng toàn bộ một cơ thể đàn bà không bị nhọc nhằn bởi sinh nở và nuôi con dại nhiều lần, đã giúp cho nàng giữ được vẻ đầy đặn khả dĩ, nếu không muốn nói là gần như nguyên xưa. Còn người kia, mãi giờ căng óc anh mới lờ mờ nhận ra dáng hình ông Phán, với quần cụt áo may ô, đang lấy bấy tội nghiệp trong mớ cơ bắp teo tóp, nhão nhoét, gân guốc và tối mò. Trước mắt hai người, bên cạnh chiếc bàn làm việc của anh, thằng con anh, mặt răn đanh căng thẳng, mắt trợn trừng, một tay vo tròn mớ quần áo (hẳn là của ông Phán), tay kia đang cầm bút ghi chép, như là lấy khẩu cung, hay định ghi biên bản. Anh cố nén một cái gì đó dâng lên trong ngực, như là sự lẫn lộn của ghen tuông và tức giận.

- Các người... Các người sống như vậy mà được à? -Thằng bé rít qua kẽ răng như một ông già - Cha tôi miệt mài ngày đêm với công việc, để cho các người...

- Mẹ van con! Mẹ xin con!... Người đàn bà ngẩng mặt lên, nghẹn ngào gơ hai bàn tay với những ngón dài run run van xin về phía thằng bé - Mẹ xin lỗi con. Không phải vậy đâu. Mẹ khổ lắm. Mẹ khổ trăm đường. Con chưa hiểu được đâu...

Thằng bé nghiêng mặt đi, vẻ chịu đựng đau khổ để tránh cái nhìn van lơn của mẹ nó, ông Phán lợi dụng dịp đó, định chộp gói quần áo trong tay thằng bé.

- Không được! Muốn phi tang chúng cứ hả? Các người chờ đây, cha tôi về hẵng liệu! Thằng bé hét lên, nhưng là tiếng thét của một đứa con trai sắp vỡ giọng và cố nén để bốn bề không ai nghe thấy, thành ra nghe the thé rất buồn cười.

Ông Phán giật thót mình trước tiếng thét của thằng bé, đến ngồi lại tư thế cũ. Còn Thảo, sau lần muốn giải bày cùng con, giờ bộ mặt nàng dửng dưng, tuồng như đầu óc nàng còn để đâu đâu, khiến anh nén tức lộn ruột.

- Té ra, các người toàn sống giả dối.

Thằng bé bắt đầu cuộc giáo huấn áp úng của trẻ con cố rặn cho giống người lớn. Nhưng, không hiểu sao, cả ông Phán, vợ anh và cả anh ở ngoài này nữa, đều giật thót, hoảng hốt và co rúm lại. Đến lúc đó, anh chợt nhận ra chính anh, tự lúc nào đã quỳ mọp xuống trên hai đầu gối. Và, cũng không hiểu sao, anh không thể đứng dậy, không dám đứng dậy, lòng mềm đi bởi một nhu cầu sám hối trước vị quan toà là lẽ phải và sự trong trắng con trẻ của đời...

- Có phải ông...

Không biết thằng bé định nói tiếp câu gì, nhưng ông Phán đã nhanh nhẩu đỡ lời:

- Phải, phải! Bác là hiệu trưởng. Chính bác đã bồi dưỡng và giới thiệu mẹ cháu, chính bác đã nâng nhắc ba cháu. Và cháu chính là... ông Phán chợt hạ giọng rất thấp, xun xoe. Cháu ngoan lắm; cho bác mang lại cái quần. Hì hì...

- Không được!

Hình như, đến lúc đó, ông Phán sức nhớ là phải bắt khuất trước kẻ

thù, liền găm lên, bắn ra cả tràng nước bọt lẫn hàm răng giả:

- Mà không được làm nhục tao, làm nhục một thầy giáo... mà... mà...

Ông vừa nói vừa lắp bắp đưa lòng bàn tay ấn lại hàm răng giả vào miệng. Thắng bé trố mắt nhìn, rồi cười khẩy:

- Không có thầy giáo như ông!

Chao ôi, thắng quý! Anh thầm thét lên, và chồm dậy giật tung cánh cửa. Thắng bé vừa thoáng thấy anh, như bất ngờ trông thấy hung thần, nó ngây đực, há hốc miệng một giây, bọc quần áo ông Phán rơi xuống bàn. Nó khép nép lùi vào xó góc, lăm lét nhìn anh, ấp úng:

- Con xin lỗi cha. Con thấy... Con nghĩ...

Anh bước vào nhà, liếc xéo qua hai con người, và đi thẳng vào buồng trong. Không hiểu sao cơn ghen tuông và tức giận đã không cho anh nghĩ ra được một lời nào. Ông Phán lợi dụng dịp đó, quăng mình ra cửa, biến mất. Còn vợ anh, gần như không một ý thức nào, tro lì như một bức tượng bán thân, thậm chí trên nét mặt nàng ánh lên sự đắc thắng. Suýt nữa anh hét lên: "Đồ đĩ!".

Khi anh trở ra, thắng con trai đã đi ngủ, Thảo vẫn ngồi đấy, lặng im, mái tóc dày phủ cả bờ vai, nhưng khuôn mặt nhiều nét đau khổ của nàng răn rỏi nhìn anh trong một cái nhìn giải bày rất lạ. Lần đầu tiên sau mười lăm năm chung sống, anh mới bắt gặp ở nàng cái nhìn ấy. Nó không chút nhẫn nhục, chịu lụy âm thầm bao năm, mà tuồng như đau đáu một nỗi niềm trách móc hờn giận, rằng anh là con người độc ác, ích kỷ và cố chấp, anh đã giam hãm, cầm tù một cơ thể đang thì xuân sắc trẻ trung nhất đời một người đàn bà trong hàng chục năm

trời rờn rã, trong khi mình, như một tín đồ, hành hương trên bao
mối tình vụng trộm, rằng anh chẳng biết gì cả, nàng yêu anh không
gì sánh được, muốn hiến dâng cuộc đời và tình yêu duy nhất cho anh
dù bị anh đối xử tàn tệ, rằng với ông Phán, đó là sự lầm lỡ, đại đột
của nàng thời con gái xa xôi... Và rằng, giờ đây, nàng không muốn
anh trượt dài thêm nữa trên con đường đi tìm lạc thú để trả thù
nàng, trả thù cuộc hôn nhân với nàng. Và nàng đã quyết định đánh
thức trái tim anh, đánh thức tình yêu trong anh bằng việc nhử ông
Phán vào một màn kịch do nàng sắp sẵn, chỉ mình nàng biết, cốt để
anh chứng kiến. Nhưng rủi thay, anh chậm chân hơn thẳng con trai...
Tự nhiên, anh chết đứng trước cái nhìn đau đáu ấy của nàng, và
chợt thấy mình dơ dáy, sống sượng và tàn nhẫn, thiếu nhân cách vị
tha của người lính.

Và, lần đầu tiên anh nhận thấy thương mình, thương vợ và bao sinh
linh lầm lạc tội nghiệp. Rồi, như một cử chỉ nhận lỗi, anh đặt tay lên
vai Thảo. Thật lạ lùng, từ khối tượng bằng thịt phụ nữ ấy, chợt rung
lên và bật tiếng khóc thút thít. Anh khẽ đỡ nàng đứng dậy, và nàng
liền gục đầu vào ngực anh, oà khóc nức nở...

Anh dìu Thảo ra giếng, tự tay gội từ từ từng gàu nước mát lạnh lên
cái thân thể còn khá đầy đặn của nàng. Nàng cười. Lần đầu tiên sau
quãng đời chung sống, nàng vừa vuốt nước trên mặt vừa cười rúc
rích như trẻ con. Đây là một đêm mùa hạ, trời không trăng, nhưng
đắm mướt những vì sao chín mọng treo lúc lỉu khắp vòm trời thăm
sâu, thoáng đặng và mướt như nhung...

Dòng Sông Chảy Mãi

Cầm bức điện, anh chột hộc lên một tiếng như con thú bị trúng đạn, vội vàng nhảy lên xe phóng đi, không biết đầu đuôi gì nữa. Anh như dòng sông chảy vật vờ giữa hai bờ thương và nhớ. Bờ thương là Bình vợ anh và thằng cu Đá con anh. Bình hiền thực và chịu khó, suốt đời chỉ biết có anh, chăm sóc anh như mẹ chăm con. Còn thằng cu Đá thì khỏi nói; nó giống anh lột lạy, như thể một khuôn đúc ra. Cũng màu da ngăm ngăm, sống mũi cao và thẳng, cũng đôi mắt đen và sâu, ngời lên thăm thẳm; ông thợ cạo đầu ngõ cũng cắt tóc cho hai cha con theo kiểu đầu đinh. Từ công trường đục đá bên bờ sông trở về anh trong bộ đồ ướt đầm mồ hôi, bạc phếch bụi đá, dày như mo nang, đã thấy trước cửa, nó trong tay Bình miệng cười toe toét, hai tay hai chân vùng vẫy như đang bơi về phía anh. Mọi nỗi mệt nhọc, lo âu từ công trường dựng tượng trong anh đều tan biến! Bình bảo anh vào rửa ráy, thay quần áo đã, nhưng anh không chịu, cứ phải thơm một cái vào trán cu Đá, rồi mới chịu đi...

Bờ nhớ là nàng. Không hiểu sao số phận lại dày vò anh đến thế? Từ lâu, cái bờ nhớ ấy đã trở nên xa lắc, mờ ảo và gần như không còn

nữa. Nó lặn vào tận đáy thời gian, tan biến vào hư ảo không gian. Thế mà hôm nay, nó bỗngưng đột ngột xuất hiện, chắn ngang trước mũi anh. Anh đang ở trên giàn giáo, mài miết gỗ búa vào khối đá xanh, sửa lại cánh tay cầm chèo của pho tượng một nữ anh hùng, chợt có người gọi xuống gấp và đưa cho bức điện. Bức điện có lẽ ngắn nhất trong lịch sử điện tín, và hẳn người ngoài cuộc chẳng ai hiểu gì, nhưng với anh là cả một trang viết, cả một thiên truyện và cả một cuộc đời. Bức điện chỉ đọc một tiếng : Hằng .

Anh không ghé về nhà, sợ gặp Bình và thằng cu Đá thì khó dứt ra để mà đi. Chiếc Win 100 lại như con ngựa già trung thành và tận tụy, chạy nóng rục trong tay anh. Độ một giờ sau, nó bỏ lại con đường rải nhựa bóng loáng như dòng sông giữa hai bờ phố xá, rẽ theo một con đường đất băng qua cánh đồng như một con đê, hai bên mướt xanh cỏ chỉ. Chiếc xe chợt giảm tốc độ, chạy êm trên mặt đường cát pha khi gặp vài bóng trẻ vắt vẻo lưng trâu đọc sách. Trái tim anh chợt nhói đau. Vẫn còn tươi nguyên đấy mà. Tươi nguyên buổi anh và Hằng gặp nhau lần đầu ở đây. Hằng ngồi lưng trâu, ngựa mặt đối theo một cánh diều xa lắc, chiếc mũ lá như một vành trăng treo toòng teng sau gáy. Anh lúc đó cũng chỉ là cậu học sinh cấp ba trường huyện đi học về, không hiểu sao lại bỏ cả sách vở xuống vệt cỏ và moi đất sét bờ đê nặn lại cái giầy khắc sinh động ấy. Khi cô bé phát hiện ra, liền nhảy khỏi lưng trâu chạy đến. Đôi mắt tròn to và đen láy cứ hau háu nhìn cái khối đất sét trong tay anh đang dần biến thành con trâu và một cô bé vắt vẻo trên lưng ngược nhìn bầu trời với đôi mắt mơ mộng. Ô, khéo quá ! Đẹp quá ? . Cô bé khẽ reo lên.

“Anh nặn ,,.. ai rứa ? . Em đó ! . Rứa à. Cho em hỉ ? . Cô bé thần thờ bẽn lẽn và xấu hổ quay mặt đi, đôi bím tóc vàng hoe rơi trong chiếc mũ lá vẫn toòng teng sau vai, khuôn mặt rám nắng chột ngời lên bởi đôi môi nở nụ cười và đôi mắt cũng nheo cười. Tặng em đó , anh nói và chìa pho tượng đất sét vừa mới hoàn thành về phía cô bé. Em mừng quá. Em cảm ơn anh . Cô bé có món quà quá bất ngờ, ngoài mong ước, nên líu cả lưỡi. Anh không ngờ cái tượng đất sét trong buổi chiều xanh ấy lại như một định mệnh mang đến cho anh biết bao hạnh phúc và đau đớn khôn nguôi...

Chiếc xe rẽ vào làng, ngoằn ngoèo một lúc trên những con đường quê, giữa những khu vườn cam mít núa cành sang nhau, cuối cùng nó dừng lại trước một con ngõ có cánh cổng tre đóng khép ở rìa làng. Đó là ngôi nhà của cha mẹ anh. Mảnh vườn đất cát, xuôi thoải ra phía ruộng lúa; nửa thấp loi thoi những ngọn rau lang hoe vàng vì thiếu phân và bàn tay con người chăm sóc, hàng tre làm bờ rào cũng còi cọc xơ xác can trường chắn gió; nửa cao có một gốc bưởi, vài gốc cam, còn lại là măng cầu đang mùa ra trái. Thật lạ cây cỏ muôn đời cứ lặng thầm rút ruột để làm nên những mùa màng cho con người dù từ lâu con người bỏ rơi chúng. Anh ngẩng đầu lên, cây đào roi đã toa? bóng một góc sân nhà. Đây là cây đào được chiết từ cây đào nhà Hằng. Bố Hằng bảo giống cây này chịu được đất cát; ông biếu anh ngày anh đến vô tình khi đang tìm những pho tượng cổ của chùa Đồng Dương bị tàn mác trong dân sau chiến tranh. Nhà Hằng không giữ pho tượng nào của chùa, nhưng lại giữ cái tượng đất sét cô bé cười trâu của anh. Nó được đặt cạnh cửa sổ trên chiếc bàn

học của Hằng. Pho tượng trơn bóng mồ hôi, chứng tỏ nó được chủ nhân nâng chiều hàng ngày. Anh đứng lặng thở gấp, một cảm giác mạnh không gọi thành tên trào dâng lồng ngực. Anh chợt nhớ ra, bây giờ Hằng đã là nữ sinh trung học rồi còn gì? Đây là dịp mùa hạ, khi anh đang học năm thứ hai của trường Mỹ thuật. Sau này, khi hai người yêu nhau thắm thiết, anh cho rằng, đó là do thần linh run rủi, để anh tìm được cô bé chăn trâu buổi ấy.

Anh đã có những năm tháng hạnh phúc nhất trong phần đời trai trẻ của mình. Thầy giáo của anh thường đem theo anh trong những công trình tượng đài của ông. Ông đối xử với anh như người cộng sự đặc lực; và anh hiểu rằng, đó là cách ông giúp đỡ người học trò cứng của mình. Số tiền tích cóp từ thực hiện các công trình và từ bán tác phẩm cho một bảo tàng địa phương, đã cho anh mua được một chiếc xe máy, loại nồi đồng cối đá , giúp anh vượt quãng đường hai trăm cây số về thăm người yêu hàng tháng.

Khu vườn này đã đôi lần đón Hằng đến chơi. Và ngôi nhà này cũng đã có ba ngày Hằng về làm dâu. Đó là lúc cha anh mất, nàng đang học năm thứ hai ở trường sư phạm, đã đón xe chạy về suốt đêm. Từ ngày anh lấy vợ, rồi sinh con, mẹ anh theo vào thị xã bế cháu, ngôi nhà khoá lại trong hoang vắng. Anh định mở cửa vào nhà, nhưng chợt nhớ ra là mình không đem theo chìa khoá. Một mội, anh ngồi bệt xuống bậc tam cấp phủ bụi. Bức điện của Hằng nói gì ? Nàng đang ở đâu, nhà mẹ hay nhà chồng? Anh thấy bút rút trong lòng, mọi cái cứ mù mờ và rối rắm, không biết phải bắt đầu từ đâu.

Mấy chú kiến nhót chẳng hiểu gì về ý nghĩ của anh, liền đốt vào kẽ

chân đau nhói. Anh đưa mắt nhìn xuống và bắt gặp mấy mẩu tàn thuốc vương vãi trên đất. Hẳn mấy ông anh rể của anh có ghé về, và không vào nhà được, đành ngồi đây hút thuốc. Không hiểu sao, khi chờ đợi, người ta hay hút thuốc? Đó có phải là một sơ hở của đàn ông ? Ngày xưa anh có một người bạn thân; anh bạn thường vượt hàng chục cây số về thăm người yêu bất thường. Và anh ta lẳng lặng nhặt dưới gầm bàn gầm ghế những mẩu tàn thuốc chưa kịp quét, đặt gọn lên một tờ giấy trắng. Cô người yêu thấy vậy tái mặt.

Không ngờ sau này, khi Hằng học năm thứ ba, anh từ quê đánh đường vào thăm nàng, bị một võ còn đau hơn thế... Anh đi suốt đêm thứ bảy, rạng sáng chủ nhật thì đến được chỗ Hằng. Trời mùa đông giá buốt nhưng anh chẳng thấy lạnh gì cả. Nàng còn ngủ say. Đây là một gian nhà được ngăn ra cho thuê của một bà cụ độc thân hiền lành và tốt bụng: Muốn để người yêu ngủ thêm chút nữa, anh ngồi chờ trước thêm. Bảy giờ sáng nàng vẫn chưa tỉnh giấc, anh đứng dậy đi bách bộ quanh khu vườn, và đến gần cửa sổ nơi nàng kê giường ngủ. Cỏ vừa bị giẫm nát một vùng dưới chân, trên đó vương vãi bao nhiêu là tàn thuốc. Anh cúi nhặt kỳ hết và quay lại gõ vào cửa chính. Hằng mở cửa cho anh với mái tóc rối bù, đôi mắt đỏ kè thiếu ngủ và bộ đồ ngủ nhăn nhúm. Thoáng chút ngỡ ngàng, thoáng chút lo âu và cả vẻ mừng rỡ cùng lúc hiện trên khuôn mặt nàng. Anh lặng lẽ đặt vốc tàn thuốc xuống mặt bàn, không nói lời nào. Anh Thắng đó . Có lẽ nhìn thấy ánh mắt đau buồn và hờn giận của anh, lát sau Hằng điềm tĩnh nói. Anh Thắng học năm cuối ở bên trường y. Em đã đóng kín cửa không cho vào, thế mà anh ấy cứ ngồi suốt đêm dưới cửa sổ.

Rồi về khuya thì... bật khóc. Anh ấy khóc rất lâu... . Em vẫn không mở cửa cho anh ta chứ ? ", không tìm được, anh buột miệng. Nàng cúi đầu xoắn vặn các đốt ngón tay, nước mắt lưng tròng. Em... không chịu nổi đàn ông khóc... . Anh thấy trời đất tối sầm, tai ù đặc. Anh lên xe bỏ đi, vẫn vợ ghé vào ký túc xá thăm mấy cô bạn cùng phòng của Hằng, hỏi Hằng chưa thuê chỗ ở riêng. Tại đây anh cũng không tin ở mắt mình nữa, mỗi chiếc giường tầng đều có ri đô vây bốn phía, như những tổ kén. Và trong mỗi tổ ấy là tiếng rúc rích của một đôi uyên ương nào đó. Xấu hổ cho mình, anh vội vã lên xe phóng đi như một kẻ lạc loài. Cách nhau năm, bảy tuổi, nghĩa là cách nhau năm, bảy năm, mà anh và Hằng, và họ nữa, đã thành hai thế hệ, hai thời đại khác nhau ư ? Về sau, anh biết thêm rằng, Thăng là con trai cưng vị giám đốc giàu có của một công ty xây dựng lớn ở miền Trung này... Dẫu sao vẫn là chuyện cũ, vấn đề bây giờ là phải đi tìm Hằng. Không dừng nàng điện cho anh?

Nhà cha mẹ Hằng mọi cái vẫn như hồi anh lui tới. Nhà gỗ, mái lợp ngói, tường gạch cũ kỹ. Trong vườn hầu hết là măng cầu đã già, trái thừa và nhỏ. Anh để xe dưới bóng cây đào roi tán che một góc sân. Nhà vắng hoe vắng hoắt, cửa rá vẫn mở ngỏ. Anh bần thần ngồi xuống bộ bàn ghế uống nước kê ở gian giữa. Tại đây, anh cũng có một kỷ niệm buồn...

Chuyện Thăng rồi cũng qua Cậu chàng chẳng hề rơi một giọt nước mắt bước ra khỏi cuộc đời Hằng khi cầm mảnh bằng tốt nghiệp đi vào một thành phố phương Nam. Không hiểu sao lúc ấy anh lại thấy thương Hằng quá đỗi. Anh hình dung nàng vô cùng đau đớn, tủi hổ

vì bị phản bội, bị bỏ rơi. Công việc ngoài này tạm ổn, anh tranh thủ phóng xe vào thăm nàng, với ý nghĩ làm chỗ tựa đỡ cho nàng qua khỏi cơn sốc. Cũng là một sáng chủ nhật, anh không quên mua mấy bông hồng đỏ thắm, thứ hoa Hằng yêu thích. Lòng anh cũng tươi rói như hoa. Nhưng đón anh từ ngoài ngõ, đúng hơn là giữ chân anh từ ngoài ngõ, là bà cụ chủ nhà._ Mẹ tính rằng chủ nhật ni con cũng vô, nên chờ ở đây. Tội nghiệp con. Thôi chừ con đừng vô đó nữa!" "Ai trong nớ rửa mẹ ? . Nghe nó gọi tên Long, làm chi đó ở sân bay... . "Anh ta đến khi mô, mẹ ? . "Hồi hôm tới chừ. Cả hai ngủ chưa dậy . Anh liếc xéo vào cánh cửa đóng kín, máu trong người sôi lên. "Mẹ lạy con. Con là người tốt, con đừng vô đó nữa! . Bà cụ khẩn khoản một cách tội nghiệp. Anh muốn nhìn xem cái gã Long đó mặt ngang mũi dọc ra sao, mà khiến Hằng... , nhưng anh đã nghe lời bà cụ. Quả thật lần ấy mà chạm nhau, không biết rồi sự thế sẽ ra sao. Sự việc rồi cũng không tránh khỏi, có điều nó đã xảy ra tại nhà Hằng, ngay chỗ anh đang ngồi đây, có cả cha mẹ nàng. Thực sự lúc chiều anh đã ghé đến đây, mang chai rượu gói trà cúng ngày Tết như mọi chàng rể trong làng. Gia đình đi vắng. Anh đặt lễ vật lên bàn thờ và đi ngang căn buồng người yêu. Với anh, chỉ nhìn thoáng căn buồng của nàng, cũng như đã được gặp nàng. Có thể vài hôm nữa Hằng mới được nghỉ Tết. Nhưng anh đã nhầm. Hằng đã nghỉ Tết từ lúc nào, và suýt nữa thì anh không biết giấu mặt vào đâu. Trong buồng, Hằng và một người đàn ông đang thì thầm rúc rích. Anh quên cả bực dọc, nhón chân rút lui êm thắm, như thể sợ người ta bắt quả tang rình rập chuyện người khác. Nhưng khi trở về, anh đã không chịu nổi

sự đau khổ ê chề; muốn gào lên, thét lên hay phá phách một cái gì đó, mà không sao làm được. Có những nỗi đau mà chỉ mình mình biết, một mình mình hay.

Đêm, anh dùng dùng phóng xe đến nhà Hằng. ánh điện toa? sáng cả gian nhà và bộ bàn ghế bốn người đang trò chuyện. Bên trái là cha mẹ Hằng, bên phải là Hằng và một gã đàn ông vạm vạp, tóc rẽ giữa, mũi tẹt, cằm bạnh, để ria con kiến. Anh bước thẳng vào nhà, cất tiếng chào chung. Có lẽ bộ dạng và sắc mặt cố kìm nén cơn giận của anh trông khó coi lắm, khiến cho cha mẹ Hằng bối rối, ngồi co dịch vào trong, chừa ra một khoảng trống trên chiếc ghế dài. Chào anh Đình, anh ngồi chơi uống nước ; Hằng nhanh miệng lên tiếng, cố giữ vẻ bình thường, Đây là anh Long... . Nàng chưa nói hết câu, Long đã vòng tay qua vai khế vít người nàng vào sát mình, cử chỉ tỏ rõ quyền sở hữu của anh ta đối với Hằng. Không nén nổi, anh đi đến bên Hằng, kéo tay nàng bước ra giữa nhà, hướng về phía cha mẹ nàng, nói lạc cả giọng : Thừa hai bác, xin cho cháu nói có ba mặt một lời... . Anh dừng lại nửa giây để trấn tĩnh. Hằng, em nói đi. Em yêu anh, hay yêu anh ta ? , anh nói và hát hàm về phía Long. Gã ta gần như không đếm xỉa đến anh, ngồi cười mỉm vẻ đắc thắng. Cả nhà lặng đi. Cha mẹ Hằng vốn ốm o giờ xanh rớt, lúng túng đưa mắt nhìn nhau và nhìn con gái; còn nàng thì cúi mặt. Lập tức anh quay gót, đi những bước dứt khoát ra cửa. Hằng lao theo giằng anh lại giữa sân, gục mặt vào ngực anh khóc nức nở. Anh cảm nhận được cái ôm thấm thiết, dòng nước mắt thấm nóng lồng ngực trai trẻ của mình. Nhưng trái tim quá nhiều thương tổn của anh khó chấp nhận hành vi

đó của nàng...

Anh bỗng nhiên thấy chột dạ. Có điều gì hệ trọng với Hằng chăng? Anh lấy vợ, Hằng lấy chồng, từ bấy đến nay không liên hệ gì với nhau nữa, sao bỗng dưng nàng điện cho anh? Thoạt đầu thì anh nghĩ rằng, cũng như anh, nàng đã không thể quên được mỗi tình đầu đầy hạnh phúc và đau khổ, nhưng giờ thì anh đồ rằng, có một biến cố bất thường nào đó đang đến với Hằng, và anh là người nàng muốn cho biết trước. Nhưng biến cố ấy là gì? Mà cha mẹ nàng đi đâu, cửa nhà lạnh tanh?

Linh tính điều chẳng lành, anh phóng xe vào bệnh viện. Không có bệnh nhân nào tên Hằng cả. Anh lao ra đường cái, định ghé vào bưu điện thị trấn, nơi đã đánh đi bức điện cho anh, nhưng không hiểu sao chiếc xe lại chạy theo con đường ra phía nghĩa địa. Nó chạy hồng hộc giữa các dãy mồ mả san sát, đến bên một ngôi mộ cát đắp còn tươi rói. Anh quăng chiếc xe xuống mặt đường và rên lên một tiếng: Hằng! . Anh lao đến, ôm choàng lấy tấm bia đá còn tươi vết đục vào lồng ngực, nước mắt trào ra, đau đớn. Sao lại thế này, Hằng?

Lúc sau, anh buông tấm bia, đưa tay từ từ vuốt khẽ lên dòng chữ khắc tên nàng, lên gương mặt e lệ đầy nữ tính trong tấm hình gắn chìm vào trong đá. Anh cũng có tấm ảnh này; nó được chụp khi nàng học năm thứ nhất ở trường đại học. Anh gục xuống, khuôn mặt chạm vào mặt nàng, đôi môi chạm vào môi nàng, và toàn thân như tan biến, không còn gì hiện hữu trên đời. Đây là nụ hôn đầu tiên của hai người kể từ khi yêu nhau. Với anh, tình yêu thiêng liêng và cao khiết nhường nào, thiêng liêng từ nụ hôn, từ cái cầm tay, từ sự đụng chạm

thoáng qua cửa thể xác... Thế mà nàng chẳng để ý gì đến sự nâng niu, gìn giữ và tôn thờ đến đau đớn của anh, lại hào phóng ban phát ? Đây là nỗi khổ tâm khôn cùng, nỗi nhức buốt, tê tái âm thầm mà không ai xẻ chia cùng anh. Nó thành trở ngại lớn nhất , như một ngọn núi lừng lững chắn ngang trước mặt, khiến anh không sao vượt qua nổi khi bước tới hôn nhân với Hằng.

Khổ tâm nhất khi nàng tốt nghiệp trở về, không hề vướng bận một cuộc tình con con nào ở trường đại học; cả Thắng, cả Long, như thể hai con người ấy chưa từng có mặt trong cuộc đời nàng. Hằng nhảy xe giữa đường, tìm vào chỗ làm việc của anh. Cả cơ quan đón Hằng như đón nàng dâu yêu quý nhất. Mọi người vây lấy nàng, rót nước cho nàng, mời nàng ngồi gần chỗ luồng gió của chiếc quạt trần, nói những lời có cánh về anh cho nàng nghe. Các chị Ở bộ phận văn phòng ngồi sát phía nàng như thể che chở, nâng đôi tay với những ngón búp măng của nàng, vén mái tóc đen và dày cắt ngang vai như thiếu nữ của nàng, âu yếm và chăm chút như đứa em út non dại của mình. Các đồng nghiệp râu thì lén giẫm vào chân anh, hay kín đáo véo vào mạng sườn anh ý tứ: Đã hỉ ! . Còn nàng ngồi đấy, khuôn mặt hơi cúi nghiêng, thẹn thùng và e lệ, đôi mắt nheo cười, đôi môi cũng hé cười. Cả con người nàng toát lên vẻ ngây thơ và trong trắng vô ngần, trong trắng đến nỗi anh cũng run lên, ngây ngốt đến tức cả lồng ngực.

Cơ quan cho anh nghỉ mấy hôm đưa Hằng ra quê, với dụng ý để anh bàn chuyện cưới hỏi luôn thể. Nhưng ngay đêm đó anh đã trào vô, không ở lại với Hằng, dù nàng đã thổ lộ mọi nỗi yêu thương chứa

chất bấy lâu dành cho anh. Năm, bảy tháng, rồi một năm trôi qua, đám cưới vẫn không xảy ra. Trong cơ quan không ai hay biết điều gì, duy chỉ một lần không giữ được, anh đã ấp úng xa gần mấy câu với thủ trưởng mình. Ngày hôm sau không hiểu sao ông gọi anh vào phòng, vẻ mặt cũng đau khổ, hốc hác chẳng kém gì anh, nói nhỏ rằng không thể bỏ qua được sao, rằng ngay Nguyễn Du cách ta ba trăm năm cũng đã nói Chữ trinh kia cũng có ba bảy đường đấy thôi?... Lại một lần nữa trái tim anh rớm máu. Anh vật vờ giữa tình yêu đốt cháy lồng ngực với mặc cảm của một người đàn ông bị cấm sừng ngay trước cửa ngõ của hôn lễ...

Rất may là Bình đã xuất hiện, giải thoát cho anh khỏi tình trạng sống dở chết dở. Anh cưới Bình. Một năm sau có thằng cu Đá . Đây là sự lựa chọn của anh. Và anh cảm thấy hạnh phúc. Nhưng không sao anh dứt ra được khỏi Hằng. Hình bóng Hằng đã in quá sâu, quá đậm vào cuộc đời anh tự bao giờ, ngỡ như trong máu thịt anh đã có nàng, khiến cho ở chỗ nào anh cũng gặp nàng. Một cánh diều hoàng hôn, một bóng trâu gặm cỏ bờ đê là anh lập tức có Hằng bên cạnh, nụ cười e lệ. Một cơn mưa ngược chiều ném những hạt nước vào mặt là anh thấy sau xe mình có Hằng ngồi nép mình co rọ Một đám cỏ chông khô rạp bên đồi làm anh nhớ ánh trăng chảy lóng lánh trên tấm ni lông Hằng trải và hai người ngồi tựa lưng vào nhau...

Bỗng anh giật mình. Tiếng xẻng xúc cát xoàn xoạt ngay sau lưng anh, khiến anh bừng tỉnh cơn mê mộng về Hằng. Người đàn ông tuổi ngoài năm mươi,

dáng vẻ nông dân, đang mở cửa mả. Tục quê anh khi chôn người

chết, quanh năm mộ, cách tâm độ mét rưỡi, người ta đắp một bờ đất hình bầu dục khép kín. Được ba ngày, có một cái lỗ được gọi là lỗ mở cửa mả; cái bờ đất hình bầu dục ấy được đào đi một quãng độ năm, sáu tấc về phía chân người nằm, tượng trưng cho cái cửa đi về của người dưới mộ. Khi đó người chết mới được tự do ra vào ngôi nhà của mình.

Người nông dân bắt chuyện: Xin lỗi, chú là... . Dạ, cháu là giáo viên cùng trường với Hằng . Anh trả lời lúng túng, hơi chột dạ vì không biết ông ta đến đây tự lúc nào ? Người nông dân vẫn hồn nhiên như chính cuộc đời của mình: Chú coi, cô giáo Hằng xinh đẹp nước nớc, trong trắng thế nớ, mà gặp phải anh chồng vũ phu! Từ khi vợ chồng về làm nhà ở cạnh nhà tui, không ngày mô là cô giáo Hằng không bị đánh đập, chửi mắng. Thiệt tội. Mi là con hồ ly tinh. Mi lấy tau là mi đem cái xác phàm về cho tau, còn tâm hồn, đầu óc mi để ở chỗ hẵn cả rồi. Là anh chồng ám chỉ cái anh hoa. sĩ mô đó, chú. Nghe nói họ yêu nhau từ thuở chăn trâu cắt cỏ lặn ! Anh ấy còn làm cái tượng tặng cô giáo Hằng, và cô giáo Hằng giữ nó như giữ báu vật. Nhật ký ghi hết. Mấy cuốn liền. Anh chồng tức lộn ruột, mấy lần vác búa định đập cái tượng, nhưng cô giáo Hằng giữ chặt. Anh mà đập pho tượng ấy, là tui chết luôn! Cô giáo Hằng bảo thế. Tuần trước cô giáo Hằng lên lớp, trở về thì cái tượng đã bị đập vụn, chỉ còn là đồng vụn đất sét ở trên bàn...

Anh thấy bài hoại cả chân tay, đầu óc mụ mẫn, ý nghĩ rồi bởi quên cả hỏi xem Hằng mất như thế nào. Người nông dân tay vẫn xúc cát đắp thành cái cửa của ngôi nhà người chết, miệng vẫn theo cái mạch

chuyện nói dở: “Cha mẹ cô giáo Hằng thương con đứt ruột, đau đớn vật vã khóc than. Lúc đó tui mới biết chuyện lạ. Thời buổi ni mà có người đi học đại học, không những cha mẹ không có tiền chu cấp, lại còn gửi tiền về lo thuốc thang, giúp đỡ cha mẹ đau yếu ở nhà. Giới như rứa, chỉ một cô giáo Hằng thôi, chú ạ”...

Không chịu nổi thêm nữa những câu chuyện về Hằng, anh liền cáo từ người nông dân ra đi, nghe buốt xót tận tầng sâu lồng ngực. Hằng ơi, anh đã không hiểu hết tình yêu của em!

Chiếc xe lại chạy lồng lên như ngựa điên, đưa anh đi trong cơn vật vã mộng du, xế chiều nó dừng lại một quán cóc bên đường, anh không biết chỗ ấy là đâu. Có điều rượu làng cát Võ Xá trong vắt và cay nồng thì anh biết. Anh uống như uống nước, nhưng cơn khát càng khô cháy và cơn đau càng thêm buốt nhói. Trời cuối hạ xanh hun hút và dòng Nhật Lệ vỗ khôn nguôi vào kè đá những âm thanh hờn dỗi lạ lùng. Có thể không phải sóng hờn dỗi mà chính anh đang hờn dỗi. Anh hờn dỗi số phận nghiệt ngã, anh hờn dỗi nàng, hay anh hờn dỗi anh?

Phố xá lên đèn từ lúc nào không hay. Con ngựa sắt trung thành khó nhọc đưa anh rẽ vào con đường đất mới mở còn lổn nhổn gạch đá. Không biết chiếc xe dìu anh đi, hay anh dìu chiếc xe. Chợt nhiên bánh xe chạm vào một cánh cổng làm bằng lưới mắt cáo, và cả hai đổ kênh trên đất...

Khi tỉnh dậy, anh đã thấy mình nằm trên giường. Bên cạnh anh, Bình bế thẳng cu Đá ngồi im. Nét mặt Bình đang căng thẳng, lo âu chợt sáng bừng, rạng rỡ. Ôi, may quá, anh tỉnh rồi! Ba tỉnh rồi con ơi ! .

Nàng mừng cuống lên như thể anh vừa chết sống lại. Đêm qua anh say quá, cả người và xe bổ nghiêng trước cổng nhà mình .

Thằng cu Đá thấy anh mở mắt, nó đưa cả hai tay hai chân vùng vẫy, bơi bơi về phía anh, miệng toé toét cười, phô bốn răng sữa mới mọc trắng bóng...

Đồng Hới, 5-2003

Hết

Khách má hồng

Anh đi trong niềm tuyệt vọng của những khát vọng chưa thành và những mối tình đã chết. Chiếc Win 100 chạy lồng lên như con ngựa chiến. Thị xã về khuya vắng lặng và yên tĩnh đến nỗi ngỡ như hoang vắng. Con đường như dòng sông đen ướt loáng chạy giữa hai bờ phố đèn đường đỏ quạch. Những dãy nhà đua nhau chạy ngược về sau. Phút chốc, xe đã lượn trên vòng cung con đường đèo, một phía rừng thông trầm mặc, chất ngất và phía kia sâu hút là mặt biển rì rào với lẫn tăn hàng trăm con sóng đuổi nhau ném vào ghềnh đá lóe ánh lân tinh màu lửa xanh. Tuồng như anh phó mặc cho con ngựa sắt dẫn anh đi.

Chiếc xe như con vật trung thành, bỏ con đường nhựa cuối vòng

cung, rú ga leo lên một cái dốc sỏi cao, rồi theo con đường mờ mờ trong cỏ đi giữa doi đất nhoai ra biển lúp xúp sim mua chen trong lỗ nhỏ đá mọc như người đứng, người ngồi.

Xe dừng lúc nào hình như anh cũng không hay biết, liền nằm vật ra trên một tảng đá phẳng. Bầu trời như một chiếc lồng bàn khổng lồ tím sẫm, và vùng trắng đơn độc nền trời. Như chạm phải vật gì, anh ngồi bật dậy. Không có gì cả. Có lẽ anh chạm phải kỷ niệm. Đây là nơi anh và Hằng đã ngồi rất lâu sau lời tỏ tình bất thành của anh. Nàng đẹp, và rụt rè đến nỗi không dám lên cùng đám người chen lấn, xô đẩy trong chuyến phà Gianh cuối chiều. Nhưng đến khi chỉ còn một mình nàng, thì những chiếc xích neo phà cũng nới lỏng, cầu phà cũng từ từ chìm xuống. Sự việc nhanh đến nỗi nàng hốt hoảng, bối rối lưỡng lự giữa bỏ chuyến phà với rướn người lên, nhảy qua. Nàng sắp khóc. Cả hai việc đối với nàng quá sức. Và cũng nhanh đến nỗi nàng không nhận ra, một bóng người từ trên phà lao xuống, vụt đến quắp lấy nàng như quắp một đứa trẻ. Khi đã ở trên phà, định thần trở lại, nàng thấy mình vẫn ôm lấy cổ anh ta; cả hai ngượng ngịu, thẹn thùng...

Nàng đột ngột đến thăm anh ít ngày sau đó, trong căn phòng bừa bộn đá hộc, đất sét, thạch cao, và anh đang đánh trần với một phác thảo trên bàn xoay. Có lẽ nàng rất ngỡ ngàng trước cái nghề nghiệp kỳ cục ít có trên đời của anh.

Còn anh thì không ngờ nàng là sinh viên sư phạm vừa tốt nghiệp, một cô giáo mới hẳn hoi.

Thân hình cao gọn, khỏe khoắn và mái tóc cắt bum bê ôm lấy khuôn

mặt trái xoan đang đỏ hồng lên và lấm tấm mồ hôi, trông nàng hao hao người con gái trong một bộ phim mà anh không nhớ được. Nàng lạ lẫm và say mê ngồi lật cuốn album ảnh chụp những tác phẩm anh làm thời sinh viên, vẻ mặt ngây thơ như trẻ con.

Không hiểu sao, anh đã đưa nàng đến đây, đến mỏm núi đá này; nó như một cái sống mũi nhô ra trước biển. Anh nhớ đó là một chiều mùa thu rất lạ lùng. Đứng trên mỏm đá này, gần như không còn gì nữa ngoài cái vòm trời cao xanh lồng lộng và mặt biển màu ngọc bích bao la vô cùng kia. Anh và nàng, hai sinh vật bé nhỏ của Thượng đế đã quên hết mọi nỗi lo âu, nhọc nhằn của kiếp người. Gió biển thổi như xoa như vuốt lên mái tóc nàng, lên đôi mắt màu nâu mơ mộng của nàng, lên gò má ửng hồng vì hạnh phúc và lên cái cổ cao trắng ngần của nàng. Không ai có thể cầm lòng được khi bốn bề trời biển bao la và hùng vĩ này. Anh cũng thế. Anh đã ngắt một đoá bông trang đỏ như búp lửa bên kè đá, hai tay dâng lên trước mặt nàng. Anh đã ngỏ lời cầu hôn nàng. Lời cầu hôn được sự trợ giúp của đá, của gió biển và của vòm trời cao xanh kia.

Nàng đã đón nhận bông hoa của anh bằng cả hai bàn tay với những ngón thon run run, đôi mắt nhìn anh đắm đuối và ngấn lệ. Nàng đã khóc vì sung sướng và hạnh phúc.

- Ôi, em chờ đón phút giây này đã lâu lắm rồi - Nàng nói và đưa tay quệt nước mắt, lời nhẹ như ngọn gió nồng nàn thổi lên từ biển, qua đôi môi chợt đỏ lên tươi thắm - Cảm ơn anh. Em rất sung sướng, rất hạnh phúc khi lời cầu hôn được nói ra trước sự chứng kiến của trời cao biển rộng, núi non hùng vĩ và thiêng liêng này... Có lẽ không có

người con gái nào có được điểm phúc như em.

Nàng nói cảm động đến hụt hơi, tựa người vào trụ đá ai trông từ vạn thuở, đôi mắt nhòa lệ. Anh ra hiệu cho nàng đừng nói thêm gì nữa. Anh sợ không chịu đựng nổi cả sự từ chối. Anh đã hôn lên đôi môi đỏ tươi, hôn lên đôi mắt khóc cười và cả vùng trán mịn bết những sợi tóc mai.

Mặt trời lặn trên các ngọn thông phía đỉnh đèo, rồi lại rơi xuống sau dãy Hoàng Sơn, để lại mặt biển và bầu trời nhuộm màu hoàng hôn xanh dịu và êm đềm. Những cụm đá cũng chuyển sang màu hoang sơ, cổ tích. Những cụm cây, cụm hoa nhập nhòa trong sắc tím hoàng hôn. Nàng có vẻ chưa thôi cơn xúc động sau lời tỏ tình của anh, vẻ hạnh phúc xen chút căng thẳng làm cho nàng thêm sắc sảo và cứng cáp. Còn anh, như người có chút men say, không còn biết gì nữa, lâng lâng trong niềm dịu ngọt của riêng mình. Hai người đi sát vào nhau, nói đúng hơn, nàng tựa người vào anh, và anh dìu nàng đi trong cõi thần tiên ấy, đến bên tảng đá này. Tảng đá không có dấu vết đẽo gọt, nhưng phẳng và rộng như ai đã đặt bày. Nàng vẫn để anh hôn dọc hai cánh tay trần, lên cổ và cả lên ngực.

Lát sau, nàng ngồi dậy, sửa lại áo xống và nói, vẻ khố sở như người có lỗi:

- Em cảm ơn lời cầu hôn của anh. Quả thật, em rất hạnh phúc...

Nàng ngừng lại giây lát và nhìn sát vào mặt anh. Anh hiểu là có điều rất hệ trọng.

- Em... cũng muốn được yêu anh, được lấy anh, được phụ giúp anh trong công việc. Nhưng... muộn rồi. Bọn em đã định ngày cưới mất

rồi.

- Người ấy là ai? Anh...

Anh hỏi gấp gáp, rõ ràng là rất mất bình tĩnh. Và tuyệt vọng ngồi ôm đầu, thỉnh thoảng vò mái tóc cứng như rễ tre của mình.

- Quang, học ở bên Nông nghiệp ấy, anh biết không?

Trời ơi, thằng Quang, con ông chú họ của anh. Sao ông trời lại hành hạ anh đến thế? Giá hẳn là một thằng cha căng chú kiếp nào đấy có hơn không; lúc đó anh quyết không thể để mất nàng, dù đã cưới.

Huống chi đây mới chỉ định ngày.

Anh có trở lại nơi này vài lần, quỳ xuống tìm trên cỏ mờ dấu chân của nàng, hôn lên phiến đá nơi nàng đã đặt tay, để an ủi nỗi cô đơn của mình.

Anh không tin có thuyết luân hồi. Nhưng những gì đến với cuộc đời anh thật trớ trêu.

Sau mỗi tình tan vỡ, anh không còn thiết ở lại nơi thị xã phồn hoa ấy nữa. Anh trở về như một ẩn sĩ, muốn sống với cõi riêng mình và hình bóng của nàng. Anh đã chọn rừng thông mọc lại sau chiến tranh phía đỉnh đèo làm nơi trú ngụ. Ở đó anh đã dựng nên một quần tượng cho mình. Gần như mỗi khoảng trống hợp lý giữa các cây thông, anh đặt một tượng. Chủ yếu tượng được đục từ đá hay đúc bằng xi-măng giả đá. Có đôi ba cái bằng gỗ lũa. Trong ngôi nhà nhỏ dựng sát vào vách núi như một cái hang động, ở chính gian ngoài, bên lối vào phòng ngủ, anh đặt bức tượng bán thân bằng đá hoa cương của nàng. Bức tượng mô tả hết như lần đầu nàng đột ngột đến phòng anh. Mái tóc bum bê, cái cổ cao và thon, mặt nhìn nghiêng, ánh mắt mơ màng,

ngây thơ và đầy khát vọng. Khuôn ngực đầy, luôn có cảm giác phập phồng, nhịp thở hụt hơi...

Anh sống cùng nàng, trò chuyện với nàng, giải bày những ẩn ức với nàng và đôi khi tranh luận cả với nàng về những phác thảo dở dang nữa. Anh thấy thật hạnh phúc. Bình minh nhấp chén cùng nàng, đêm trăng nâng ly cùng nàng.

Rừng thông sau chiến tranh xanh tốt trở lại, khép tán nhanh chóng và lá thông rụng dày mặt đất. Giờ đây dưới chân gần như được trải một lớp thảm nâu. Nắng lọc qua tán lá rơi lổ chỗ từng đốm tròn như trứng gà trứng vịt trên lớp lá khô. Những đôi chim cu đất đã kéo nhau về xây tổ, tiếng nó gù giữa trưa thanh vắng, nghe yên bình và xao xuyến lạ lùng.

Mỗi ngày anh đi qua vườn tượng của mình một lần với cây rựa và cái chổi rành trong tay. Anh phát những cây dại và quét lớp lá thông bám trên mình các pho tượng. Mỗi pho tượng có một cuộc đời riêng, một số phận riêng. Nó là một phần đời của anh bứt ra để tạo nên chúng. Và chúng sẽ sống thay anh để nói cùng thiên nhiên và con người về một ý tưởng nhân văn nào đó. Anh vừa quét bụi vừa trò chuyện cùng các pho tượng của mình. Mẹ Suốt ghì mái chèo, con thuyền chở đầy bộ đội vượt sông chồm trên ngọn sóng, tấm vải dù ngụy trang bay chéo trong ngọn gió đẫm khói bom. Khuôn mặt mẹ căng thẳng mà bình thản, đôi mắt rực lửa căm thù mà đầy lo toan của người phụ nữ. "Mẹ đã sáu mốt rồi đó", anh nói. "Đánh giặc, kể chi tuổi tác, chú?", mẹ cười. "Phải, phải. Nhưng mà, lúc đó bom đạn hằn ném đầy trời như vãi cát...". "Lúc nổ chẳng nghĩ chi mô, chỉ nghĩ

rằng đưa bộ đội sang sông cho kịp ra trận... Với lại, bom đạn hẳn tránh mình, hơi mô mình tránh bom đạn?". "Mẹ ơi, nghe nói theo gương mẹ, chị Khίου thành lập mấy đội thuyền phụ nữ ra khơi đánh cá? Cũng là chuyện lạ ở Bảo Ninh, mẹ hỉ?". "Thì đàn ông ra trận hết, nên đàn bà phải ra biển. Nhưng các chị ấy gan hơn tui nhiều. Ai đời, giấu con dưới thuyền, thu nôi trong lưới để qua mắt công an. Ra khỏi cửa biển, đem nôi treo dưới mũi thuyền, sóng biển lắc lư ru bọn trẻ ngủ, còn mẹ thì đánh cá. Nhiều phen vừa kéo lưới, vừa lái thuyền tránh rốc két từ máy bay phóng xuống...". Mẹ lại cười, cái cười móm mém của người già đang bồm bẻm nhai trầu.

Một bà mẹ khác đang khóc. Không, đang cười. Nụ cười giàn giụa nước mắt, ướt đầm khuôn ngực chàng trai. Người thanh niên từ mặt trận trở về, mình đầy thương tích tựa lên chiếc nạng gỗ. Hai cánh tay lực lưỡng của anh ôm lấy người mẹ nhỏ bé vào lòng, ta chỉ còn nhìn rõ được mái đầu bạc với búi tóc củ tỏi. "Chú biết không? Người ta nói là cháu đã hy sinh. Nhưng tui không tin. Con trai tui rằng chết được!". Không biết mẹ cười hay khóc, búi tóc củ tỏi lại rung rung trên mái đầu bạc trắng úp vào tảng ngực chàng trai...

Lại một bà mẹ nữa, áo tơi, nón lá đang vạch bầu vú căng tròn cho đứa trẻ bú. Đứa trẻ, trước khi đưa đôi môi ngậm vào núm vú, nó ngửa mặt nhìn mẹ, cười tí mắt. Đời mẹ đơn mộc như hũ cáy, vại tương. "Bé tên gì?", anh hỏi. "Rơi", người mẹ đáp. "Hay hỉ?", anh ngờ ngàng và thấy vui vui vì cái tên ngộ nghĩnh của đứa trẻ. "Tui quên đến kỳ, gánh cơm ra trận địa cho dân quân. Nghe đau bụng, nhớ ra, chạy về không kịp, để rơi nó trên cát". Người mẹ kể hồn

nhiên. Nhưng anh chợt lặng phắc. Mẹ anh cũng để rơi anh giữa đường khi bà chạy giặc qua trảng cát bên rặng trâm bầu. Cũng may có cát đỡ, nên anh không hề hấn gì. Chao ôi, có phải quê ta nhiều cồn cát, là để đỡ các em bé?

Phát hiện này đã ám ảnh anh, níu riết anh bao năm nay. Mãi nghĩ, anh chợt nhận ra ngay sát bên mình một pho tượng lạ. Không, một cô gái.

- Hăng! Em đến bao giờ?

Anh gọi gần như reo lên. Nhưng cô gái lại quay nhìn phía sau, và có vẻ ngơ ngác:

- Chú... gọi cháu?

- Xin lỗi. Chú... nhầm.

Anh cười gượng gạo. Sao lại có người giống nàng đến thế? Như hai giọt nước. Cô gái thần thờ trước cái thế giới muôn vẻ của quần tượng, lát sau mạnh bạo nói:

- Cháu là Hạnh. Cho cháu cào lá thông trong rừng của chú nhé?

- Chẳng phải rừng của chú. Nhưng cháu cứ lấy tùy thích.

Hạnh quay sang cào lá thông một cách hối hả. Cái dáng mảnh mai và chịu khó kia cứ hút cái nhìn của anh. Độ nửa tiếng sau, lá thông đã chất đầy quang gánh, cô gái lí nhí cảm ơn anh và cất gánh xuôi về. Đồng bào nghèo vùng ven biển và các thôn xóm dọc đường quốc lộ dưới kia thường đi cào lá phi lao về đun bếp. Mấy năm nay các rừng phi lao bị chặt trụi, người ta phải đi xa hàng nửa ngày đường để cào lá thông. Nhưng chẳng mấy ai leo lên tận đây, vì xa và đường khó đi. Hai hôm sau, Hạnh lại xuất hiện. Lần này cô có vẻ thân thuộc hơn.

Trước khi chặt lá thông vào quang, cô giúp anh quét bụi trên các pho tượng. Hai người vừa làm vừa trò chuyện thân mật. Anh biết cô là sinh viên năm thứ ba của một trường sư phạm về nghỉ hè, tranh thủ kiếm củi giúp mẹ. Nét hồn nhiên và ngây thơ của Hạnh làm anh sống lại thời còn ở trường Đại học Nghệ thuật, lâu lâu rủ bạn lên đồi Thiên An. Từ đấy, cứ hai ngày một, cô gái lại lên rừng cào lá thông. Và cứ hai ngày một, anh và Hạnh trò chuyện về những bức tượng trong vườn. Đôi mắt màu hạt dẻ của cô gái cứ mở to mơ màng vào cõi xa xăm, thuở những con người ấy chưa hóa đá ở đây. Anh như tìm được người tri âm để bày tỏ, sẻ chia nỗi niềm sáng tạo. Còn Hạnh, cô như lạc vào một thế giới mới, thế giới vừa hiện thực vừa cổ tích, trong sáng và thuần khiết vô cùng. Trong sâu thẳm tâm hồn, cô đã dành cho anh niềm cảm phục sâu sắc và lặng lẽ...

Mỗi ngày không có Hạnh, với anh dài vô tận; một mình đứng lặng hàng giờ trên mặt đất tro sỏi nơi cô đã cào hết lá thông, như thể ở đó còn vương lại chút hình bóng của cô.

Thế rồi, cái nhịp điệu hai ngày gặp nhau một lần, đột ngột thay đổi. Một sáng anh ra vườn tượng, uể oải chuẩn bị một ngày dài không có Hạnh, thì đã thấy đôi quang của nàng ở đó tự bao giờ. Hạnh từ sau pho tượng "Tình mẹ" òa ra khi anh đi qua, như trẻ con thường chơi ú tim.

- Em phải tranh thủ những ngày nghỉ còn lại, dự trữ cái đun mùa mưa cho mẹ.

Hạnh đã lý giải sự có mặt của mình ở đây một cách vụng về. Nhưng anh hoàn toàn không hay biết điều đó, bởi đầu óc choáng váng và

lồng ngực nghẹn thở khi nghe cô gái vô tình thay đổi cách xưng hô.

Họ đã có nhau từ lúc nào không hay biết...

Cái gì đến rồi phải đến. Một hôm, khi giữa hai người đã qua giai đoạn "Tình trong như đã, mặt ngoài còn e", anh đã đưa Hạnh lên chỗ ở của mình phía trên đỉnh đồi, nơi có bốn cây thông mọc hình tứ giác ở bốn góc nhà. Đây là lần đầu tiên ngôi nhà của anh đón khách, mà lại là khách má hồng. Anh có cảm giác hồi hộp và thẹn thò như đưa nàng dâu tương lai về giới thiệu cùng mẹ, mặc dù mẹ anh đã mất hồi chiến tranh. Anh nắm tay Hạnh đi lách qua mấy khối đá anh lăn về đang đục dờ. Hai người yêu nhau, tung tăng như hai đứa trẻ. Khi vừa bước chân vào nhà, Hạnh chột reo lên: "Mẹ!". Và cô chạy ào tới pho tượng chân dung của người nằm xưa anh đặt ở giữa phòng. Đến lượt anh ngơ ngác:

- Em nói sao?

- Mẹ em đấy.

Hạnh trả lời và đưa bàn tay búp măng rám nắng mân mê lên mái tóc, bờ vai, cả hai má và khóe miệng của pho tượng một cách âu yếm, triu mến và thân thiết như đang ngồi bên mẹ, quên có người thứ ba bên cạnh.

- Thế mẹ cháu tên là gì?

Anh hỏi gấp gáp và tự dưng bị đổi cách xưng hô. Nhưng hình như cô gái mãi nghĩ về mẹ nên đã không chú ý.

- Mẹ em tên là Hằng, đang dạy học ở một trường quê.

Đất dưới chân anh, và trời trên đầu anh nữa, đổ sụm xuống, tối tăm mày mặt. Em là con của Hằng ư? Sao lại thế? Thượng đế lại nở trêu

người anh, chơi khăm anh thêm một vố nữa?

- Anh sao thế?

- Không sao. Chỉ thấy hơi chóng mặt một chút.

Ngày hôm sau quay trở lại, khách má hồng đã không tìm thấy anh ở đây nữa. Ngôi nhà trên đỉnh đồi và cả khu vườn tượng lặng im, hoang vắng như chưa từng có người ở. Nắng lổ chỗ ở trên mặt đất như rơi từng giọt trắng, và tiếng chim cu gù đâu đó vắng lại nghe xa ngái và khắc khoải nỗi chia ly. Mẹ cô vẫn đứng đó, trẻ trung, xinh đẹp trong cái lốt của đá hoa cương, như bà chủ quán xuyên ngôi nhà.

Và như chợt nhận ra điều gì, Hạnh vụt lao ra khỏi cửa. Cô bươn bả qua rừng thông bạt ngàn một cách quả quyết, và vô vọng...

*

Anh rời doi đất như một cái sống mũi nhoai ra phía biển, nơi anh đã cầu hôn với Hằng thuở ấy. Nỗi cô đơn của những khát vọng chưa thành và những mối tình đã chết làm anh hóa điên. Trăng sáng như chưa bao giờ được sáng. Mái đồi nhấp nhô đổ dần về phía biển. Anh theo lối mòn ngoằn ngoèo từ con đường cái dưới chân đồi, len lách qua vô vàn những khối đá đứng ngời lờ lờ để ra biển. Bãi cát phẳng lì và tinh khôi dưới bóng trắng như một cánh cung ôm lấy những con sóng nhỏ lăn tăn từ biển xa ủa về.

Không biết từ bao giờ lòng đất lại tặng cho mép sóng một tảng đá rộng và phẳng như một cái phản, nổi trên mặt nước. Từ trên mép cát, nhón chân bước qua là đứng gọn lên tảng đá. Nghe nói ngày xưa các tiên ông ngồi uống rượu và đánh cờ ở đây.

Đêm nay là đêm gì mà trời khuya oi nồng và mặt biển vẫn lặng như ao nước. Anh phanh ngực áo và ngất ngư uống rượu một mình. Nỗi buồn vô vọng thấm tận chân tơ kẽ tóc. Trời ơi, đã Hằng sao lại còn Hạnh? Hằng và Hạnh, các em yêu anh mà làm gì? Mà sao các người lại là mẹ con?

Bầu rượu trong tay anh vơi dần. Và nỗi sầu muộn, đau đớn trong anh cũng dần tăng lên. Anh gật gù chạm li cùng biển, cùng bóng núi đá và rừng thông mờ xa, cùng vầng trăng xế lẻ loi, đơn độc trên nền trời. Vầng trăng nhìn anh độ lượng và thông cảm. Nhưng điều đó càng làm cho anh cảm giác bất hạnh hơn. Anh thương Hạnh, yêu Hạnh; nhưng chính vì thế mà anh phải chạy trốn nàng, chạy trốn tình yêu của nàng.

Anh đâu hay rằng sự bỏ trốn của anh đã làm Hạnh thêm quyết tâm đi tìm. Đêm trước, nàng trở về gặp mẹ và đã hiểu rõ ngọn nguồn. Nàng càng thương anh hơn, quý tài năng của anh hơn và yêu anh hơn. Nàng hiểu rằng, mẹ nàng đã gặp anh, đã yêu anh khi số phận được an bài. Còn nàng, nàng không có gì vướng bận cả. Anh là mối tình đầu cao cả của nàng. Anh phải được hạnh phúc.

Nàng đã bươn bả đi, qua rừng thông chạy suốt con đèo, mặc cho đá vấp, gai cào tưa tướp đôi chân, và không hay trời tối lúc nào...

Nhà điêu khắc đã say mèm, nằm lăn trên tảng đá bàn cờ. Bên cạnh anh, bầu rượu rỗng không nằm ghếch miệng về phía biển xa. Gió bắt đầu lao xao trên mặt nước. Và thật bất ngờ, không biết do ngẫu nhiên hay do đất trời xui khiến, chợt ngọn gió biển vô tình đi qua và bầu rượu rỗng cất lên điệu nhạc. Thoạt đầu chỉ là tiếng ù ù u u như

sáo diều hay như tiếng tù và. Nhưng có thể do những ngọn núi đá chắn lại, hoặc do bờ biển như một cánh cung khiến ngọn gió vào vịnh thường xuyên đổi chiều và quần quýt quanh bầu rượu rồng, đã làm cho âm thanh của nó biến hóa như âm thanh của một cây tiêu. Tiếng tiêu ngày một sinh động, luyến láy, vắt vẻo... mềm mại khác thường. Vừa như có tiếng biển lăn lăn trên từng ngọn sóng lại vừa có tiếng rừng xôn xao tận đáy biển. Cả không gian, đất trời, biển khơi như bừng tỉnh sau giấc ngủ say. Lũ chim đại bàng chui ra khỏi tổ, bay về đậu trên các mỏm đá quanh bờ. Lũ cáo chồn cũng mò ra khỏi hang chạy lảng vảng dọc bãi phi lao. Lũ voi rừng, trâu rừng, heo rừng nằm nghech mồm trên triền đá lắng nghe tiếng tiêu. Nhiều nhất là bọn sống dưới biển, chúng kéo nhau về như đi trẩy hội. Những ả rùa biển khoan thai đếm bước trên cát. Những con cá kình, cá nhám, cá voi kéo nhau về chạt vịnh. Chúng vây quanh tảng đá nhà điêu khắc đang ngủ. Say ngất ngư cái âm thanh kỳ diệu phát ra từ đâu đó, đến nỗi chúng xúm lại, gác mồm lên tảng đá, gác đầu lên nhau, nhiều con vươn mình lên khỏi mặt nước, vỗ đôi vây như chim vỗ cánh...

Người con gái đi tìm người yêu suốt đêm, nằm gục bên tảng đá, chợt nghe tiếng tiêu lạ, liền bật dậy. Nàng cũng bị âm thanh kỳ diệu kia cuốn hút. Men theo lối mòn giữa các triền đá, nàng cũng ra được bãi cát. Và vất vả len lách một lúc lâu giữa những con vật trên rừng và những con vật dưới biển cũng vì tiếng tiêu mà tìm về, nàng mới đến được tảng đá anh nằm. Nhưng thật bất ngờ, khi nàng vui sướng vì tìm được người yêu, và khẽ cất tiếng gọi, thì tiếng tiêu kỳ diệu kia

chợt im bật. Và cũng thật kinh ngạc, tất cả sự kỳ diệu của không gian thần tiên ảo mộng ấy, trong giây khắc, tuồng như không muốn khách má hồng biết được mình, nhưng không kịp rút đi, đành hóa đá. Bao năm rồi, những con vật trên rừng và dưới biển kia vẫn còn hóa đá trong tư thế của giây khắc bay nháy đó...

Tôi về nghỉ mát trên bãi tắm Đá Nhảy, dưới chân đèo Lý Hòa, gặp ông thợ đá già râu tóc bạc trắng, da dẻ mốc thếp, kể cho nghe câu chuyện tình lạ lùng kia, liền chép ra hầu bạn đọc.

h.P

Nguồn: Hùng

Được bạn: Thành Viên VNthuquan đưa lên
vào ngày: 27 tháng 12 năm 2003